

Số: /QĐ-SNNMT

Thái Nguyên, ngày tháng năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, dự toán ngân sách nhà nước năm 2026 và cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2026, lĩnh vực nông nghiệp và môi trường

GIÁM ĐỐC SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Quyết định số 223/QĐ-BNNMT ngày 20/01/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành Chương trình hành động của Bộ Nông nghiệp và Môi trường thực hiện các Nghị quyết của Chính phủ: số 01/NQ-CP ngày 08 tháng 01 năm 2026 về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2026 và số 02/NQ-CP ngày 08 tháng 01 năm 2026 về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 27/QĐ-UBND ngày 01/7/2025 của UBND tỉnh Thái Nguyên quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Nông nghiệp và Môi trường Thái Nguyên;

Căn cứ quyết định số 358/QĐ-UBND ngày 13/02/2026 của UBND tỉnh Thái Nguyên về điều chỉnh kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Thái Nguyên năm 2026;

Căn cứ các Kế hoạch của UBND tỉnh: Số 18/KH-UBND ngày 18/01/2026 về Phân công, chỉ đạo, điều hành triển khai thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2026; số 21/KH-UBND ngày 20/01/2026 về triển khai thực hiện Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 08/01/2026 của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2026;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Kế hoạch - Tài chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, dự toán ngân sách nhà nước năm 2026 và cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2026, lĩnh vực nông nghiệp và môi trường.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Chánh Văn phòng Sở, Trưởng phòng Kế hoạch - Tài chính, Trưởng các phòng thuộc Sở, Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Sở và các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Bộ Nông nghiệp và Môi trường (báo cáo);
- UBND tỉnh (báo cáo);
- Như Điều 2;
- Lãnh đạo Sở;
- Lưu: VT, KHTC.

GIÁM ĐỐC

Đặng Văn Huy

KẾ HOẠCH

Thực hiện nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, dự toán ngân sách nhà nước năm 2026 và cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2026, lĩnh vực nông nghiệp và môi trường
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-SNNMT ngày / /2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường)

I. BỐI CẢNH KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP, MÔI TRƯỜNG NĂM 2026

Năm 2026 có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, là năm tổ chức Đại hội toàn quốc lần thứ XIV của Đảng, bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI, bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp và là năm đầu tiên thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2026-2030, bước vào kỷ nguyên mới, kỷ nguyên phát triển giàu mạnh, thịnh vượng của dân tộc, tăng trưởng hai con số ngay từ năm 2026.

Trong giai đoạn tới, nông nghiệp, môi trường vẫn giữ vai trò quan trọng trong nền kinh tế, cung cấp nhu cầu thị trường về lương thực, thực phẩm, phát triển nông nghiệp, nông thôn gắn với Công nghiệp hóa - Hiện đại hóa đất nước, đảm bảo việc làm cho khu vực nông thôn, giảm tỷ lệ hộ nghèo, giảm khoảng cách thu nhập giữa nông thôn và thành thị, quản lý và sử dụng hiệu quả tài nguyên, cải thiện chất lượng môi trường sinh thái, sẵn sàng ứng phó với biến đổi khí hậu, xây dựng nông thôn văn minh hiện đại.

Tuy nhiên, tình hình thế giới dự báo tiếp tục có những thay đổi sâu sắc, phức tạp, khó lường, nhiều khó khăn, thách thức. Nền kinh tế tập trung giải quyết các “điểm nghẽn”, vấn đề nội tại, đồng thời thích ứng hiệu quả hơn với bối cảnh toàn cầu hiện nay. Tập trung, đẩy mạnh hơn nữa và bố trí nguồn lực thực hiện đột phá chiến lược, nhất là xây dựng, hoàn thiện tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc về thể chế; triệt để phân cấp, phân quyền, bảo đảm tính khả thi, đồng bộ, phù hợp với khả năng thực hiện; huy động, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực, nhất là đất đai, tài nguyên khoáng sản, gắn phát triển kinh tế với bảo vệ môi trường.

Một số loại dịch bệnh truyền nhiễm nguy hiểm trên đàn gia súc gia cầm vẫn tiềm ẩn nhiều nguy cơ bùng phát...; kinh tế hộ gia đình vẫn chiếm tỷ trọng cao, sản xuất chứng nhận an toàn, hữu cơ còn khó khăn, hạn chế; công nghiệp chế biến nông sản và công nghiệp phụ trợ chậm phát triển.

Hội nhập kinh tế sâu rộng, thị trường cạnh tranh ngày càng gay gắt, nhất là thị trường tiêu thụ các sản phẩm nông sản. Các tiêu chuẩn, quy chuẩn về sản xuất và chất lượng sản phẩm nông lâm thủy sản của các nước nhập khẩu ngày càng khắt khe.

Biến đổi khí hậu, thiên tai diễn biến phức tạp, ảnh hưởng tới tính bền vững của phát triển nông nghiệp.

II. MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU NĂM 2026

1. Mục tiêu

1.1. Mục tiêu chung

Phát triển nông nghiệp, kinh tế nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới theo hướng "Nông nghiệp sinh thái, nông thôn hiện đại, nông dân văn minh". Phát triển sản xuất nông lâm thủy sản hàng hóa tích hợp đa giá trị, dựa trên lợi thế địa phương, theo hướng hiện đại có năng suất, chất lượng, hiệu quả, giá trị gia tăng, bền vững và sức cạnh tranh cao, đảm bảo an ninh lương thực, an ninh dinh dưỡng, trong đó tập trung phát triển các sản phẩm nông nghiệp chủ lực, sản phẩm OCOP, sản phẩm đặc sản bản địa của tỉnh gắn với ứng dụng công nghệ, chuyển đổi số, kết nối giữa sản xuất, chế biến và thị trường; nâng cao thu nhập, cải thiện đời sống, vai trò và vị thế của người tham gia sản xuất nông nghiệp, người dân nông thôn, góp phần phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương.

Phát huy tối đa hiệu quả của các nguồn lực tài nguyên thiên nhiên phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, phát triển ngành nông nghiệp và môi trường; quản lý, sử dụng hợp lý, hiệu quả, bền vững tài nguyên, đất đai, khoáng sản và bảo vệ môi trường. Kiểm soát mức độ gia tăng ô nhiễm môi trường, suy giảm đa dạng sinh học; giảm phát thải khí nhà kính, nâng cao chất lượng môi trường sống, từng bước xây dựng nền kinh tế xanh, thân thiện với môi trường. Chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu, tăng cường năng lực phòng, chống, giảm nhẹ thiệt hại do thiên tai.

1.2. Một số chỉ tiêu, nhiệm vụ chủ yếu năm 2026

- Giá trị sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản tăng 4%;
- Tổng giá trị sản phẩm thu được từ cây chè 16,8 nghìn tỷ đồng;
- Giá trị sản phẩm thu được trên 01 ha đất nông nghiệp trồng trọt 126 triệu đồng;
- Tổng sản lượng lương thực 590.800 tấn, trong đó: sản lượng lúa (thóc) 463.100 tấn, sản lượng ngô 127.700 tấn; sản lượng chè búp tươi 277.760 tấn; sản lượng rau các loại 321.000 tấn;
- Sản lượng thịt hơi các loại 263.000 tấn;
- Trồng rừng tập trung 7.500 ha;
- Sản lượng thủy sản các loại 23.100 tấn;
- Tỷ lệ hộ gia đình ở nông thôn được sử dụng nước sạch đạt chuẩn theo quy định 63%;
- Ổn định tỷ lệ che phủ rừng từ 60% trở lên;
- Tỷ lệ chất thải nguy hại được thu gom, xử lý đạt 100%;
- Tỷ lệ thu gom và xử lý chất thải rắn sinh hoạt đô thị bảo đảm tiêu chuẩn, quy chuẩn đạt 91%;

- Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt nông thôn được thu gom và xử lý đạt 82%;
- Có 19% số xã đạt chuẩn nông thôn mới.
- Mức giảm tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều trên 1,5 điểm%.
- Đến hết năm 2026 hoàn thành công tác đăng ký đất đai lần đầu đối với tất cả các thửa đất. Các thủ tục hành chính về đất đai từng bước được rút gọn, thực hiện trên môi trường mạng, thực hiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất điện tử trên địa bàn tỉnh.
- Lập kế hoạch khai thác, sử dụng tài nguyên nước phù hợp với kịch bản nguồn nước, kế hoạch bảo vệ nước dưới đất; công bố vùng cấm, vùng hạn chế khai thác nước dưới đất; Duy trì mạng lưới quan trắc nước dưới đất hiện có, mở rộng mạng lưới quan trắc nước dưới đất trên địa bàn toàn tỉnh.
- Thực hiện rà soát, khoanh định khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản trên địa bàn tỉnh và phê duyệt theo quy định. Xác định, quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản; phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản; phê duyệt chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, chi phí thăm dò khoáng sản phải hoàn trả đối với các mỏ thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh. Rà soát và tổ chức triển khai thực hiện đấu giá quyền khai thác khoáng sản các khu vực mỏ trên địa bàn tỉnh thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh...

2. Nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu năm 2026

Các phòng thuộc Sở, các đơn vị trực thuộc Sở theo chức năng, nhiệm vụ được giao tập trung tham mưu, chỉ đạo, triển khai thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm như sau:

2.1. Nhiệm vụ, giải pháp thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2026

2.1.1. Nâng cao hiệu quả công tác tổ chức thi hành pháp luật; đẩy mạnh cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh

Chủ động xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch công tác năm 2026 của cơ quan, đơn vị; xác định rõ nhiệm vụ trọng tâm, giải pháp chủ yếu, tiến độ thực hiện và trách nhiệm của từng tập thể, cá nhân; bảo đảm thống nhất, đồng bộ, khả thi, phù hợp với điều kiện thực tiễn của ngành, lĩnh vực, đơn vị, địa phương.

Tổ chức rà soát các cơ chế, chính sách, văn bản quy phạm pháp luật, quy định quản lý thuộc thẩm quyền của ngành, lĩnh vực phụ trách; kịp thời tham mưu đề xuất sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ hoặc thay thế các quy định không còn phù hợp, chồng chéo, mâu thuẫn, gây khó khăn cho hoạt động sản xuất, kinh doanh; tổng hợp, tham mưu kiến nghị cấp có thẩm quyền xem xét xử lý đối với các quy định vượt thẩm quyền của địa phương.

Đẩy mạnh cải cách hành chính, trọng tâm là cải cách thủ tục hành chính gắn với áp dụng cơ chế Luồng xanh; tiếp tục rà soát, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, quy định kinh doanh; nâng cao chất lượng giải quyết thủ tục hành chính cho người dân, doanh nghiệp; thực hiện nghiêm việc công khai, minh bạch

thủ tục hành chính theo quy định. Triển khai hiệu quả Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP ngày 15/11/2025 của Chính phủ quy định cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính dựa trên dữ liệu.

Chủ động triển khai các giải pháp cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh; tham mưu tăng cường tiếp xúc, đối thoại với doanh nghiệp để kịp thời nắm bắt, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc; chuyển mạnh từ tư duy quản lý sang tư duy phục vụ, lấy người dân và doanh nghiệp làm trung tâm; không ban hành hoặc đề xuất ban hành các quy định trái thẩm quyền, làm phát sinh thêm thủ tục, chi phí cho người dân, doanh nghiệp.

Thực hiện nghiêm kỷ luật, kỷ cương hành chính; đề cao trách nhiệm người đứng đầu trong tổ chức thực hiện nhiệm vụ được giao; gắn kết quả thực hiện nhiệm vụ với đánh giá, xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ của tập thể, cá nhân; tăng cường tự kiểm tra, giám sát nội bộ; kiên quyết xử lý hoặc đề xuất xử lý các trường hợp né tránh, đùn đẩy, chậm trễ, các hành vi nhũng nhiễu, gây phiền hà cho người dân, doanh nghiệp.

Thực hiện công tác kiểm soát thủ tục hành chính, tổ chức thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; tăng cường kiểm soát việc giải quyết thủ tục hành chính, kịp thời chấn chỉnh các tồn tại, hạn chế.

Giao Văn phòng Sở chủ trì theo dõi, tổng hợp, tham mưu báo cáo UBND tỉnh về tình hình, kết quả thực hiện các nhiệm vụ được giao; đề xuất biện pháp xử lý đối với các cơ quan, đơn vị chậm trễ, né tránh, đùn đẩy trách nhiệm trong tổ chức thực hiện nhiệm vụ.

2.1.2. Tiếp tục ưu tiên thúc đẩy tăng trưởng gắn với giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát và bảo đảm các cân đối lớn, nợ công, bội chi ngân sách nhà nước trong giới hạn quy định; ứng phó kịp thời, hiệu quả với các biến động kinh tế, thương mại thế giới; thúc đẩy và làm mới các động lực tăng trưởng truyền thống, khai thác mạnh mẽ các động lực tăng trưởng mới

Tổ chức triển khai các giải pháp phát triển nông nghiệp theo hướng hiện đại, bền vững; thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp, nông thôn; nâng cao giá trị gia tăng và khả năng cạnh tranh của sản phẩm nông nghiệp gắn với thị trường tiêu thụ.

Tăng cường quản lý, sử dụng hiệu quả tài nguyên đất đai, khoáng sản; đẩy nhanh tiến độ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất phục vụ các dự án đầu tư, sản xuất, kinh doanh; bảo đảm yêu cầu phát triển kinh tế gắn với bảo vệ môi trường, phát triển bền vững.

2.1.3. Tiếp tục hoàn thiện tổ chức bộ máy hành chính; tăng cường phân cấp, phân quyền, đề cao trách nhiệm người đứng đầu; đẩy mạnh hơn nữa công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực, lợi ích nhóm; siết chặt kỷ luật, kỷ cương hành chính gắn với kiểm tra, giám sát, kiểm soát quyền lực và phân bổ nguồn lực, nâng cao năng lực thực thi của bộ máy trong điều kiện phân cấp, phân quyền mạnh mẽ

Kịp thời tham mưu, đề xuất tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong hoạt động của bộ máy mới, bảo đảm sự thông suốt trong điều hành. Sắp xếp tổ chức bộ máy, đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao năng lực, trách nhiệm công tác của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và các cơ quan chuyên môn.

Tiếp tục đẩy mạnh công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực. Nâng cao chất lượng, hiệu quả giải quyết thủ tục hành chính, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp tham gia đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp, môi trường. Thực hiện hiệu quả công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo. Giải quyết kịp thời, đúng pháp luật, phù hợp thực tế đối với các vụ việc khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền ngay từ khi mới phát sinh tại cơ sở, không để phát sinh thành “điểm nóng”.

2.1.4. Chủ động triển khai thực hiện tốt dự toán thu, chi ngân sách năm 2026 đã được Hội đồng nhân dân tỉnh giao, Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định

Triển khai thực hiện nghiêm các quy định của Luật Ngân sách nhà nước, các văn bản hướng dẫn thực hiện Luật Ngân sách nhà nước, Thông tư số 133/2025/TT-BTC ngày 24/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định về tổ chức thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm 2026.

Triển khai đầy đủ, kịp thời Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và các văn bản hướng dẫn. Thực hiện nghiêm quy định quản lý, sử dụng, khai thác, xử lý tài sản công theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công; giao đất, cho thuê đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

Thực hiện chi ngân sách trong phạm vi dự toán ngân sách được giao đảm bảo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15 và các văn bản hướng dẫn Luật; cơ quan Tài chính, Kho bạc nhà nước tổ chức điều hành ngân sách trong phạm vi dự toán được duyệt, thực hiện kiểm soát chi chặt chẽ bảo đảm theo đúng mục đích, tiêu chuẩn, định mức, chế độ quy định. Hạn chế tối đa đề nghị bổ sung ngân sách ngoài dự toán hoặc ứng trước dự toán ngân sách năm sau.

2.1.5. Tiếp tục chuyển đổi mô hình tăng trưởng; cơ cấu lại nền kinh tế theo hướng xanh, số, tuần hoàn, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, lấy khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số làm động lực chính, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh, tính tự chủ, sức chống chịu của nền kinh tế

Tiếp tục xây dựng nền nông nghiệp theo hướng “Nông nghiệp sinh thái, nông thôn hiện đại, nông dân văn minh”; phát triển nhanh, bền vững nông nghiệp, kinh tế nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới; chuyển mạnh tư duy sản xuất nông nghiệp sang tư duy kinh tế nông nghiệp; đẩy mạnh cơ cấu lại nông nghiệp theo hướng phát triển nông nghiệp hiệu quả, bền vững, minh bạch, trách nhiệm, tích hợp đa giá trị, giữ vững an ninh lương thực, bảo vệ môi trường sinh thái; khuyến khích phát triển nông nghiệp xanh, hữu cơ, tuần hoàn; chú trọng phát triển nông nghiệp sản xuất hàng hóa lớn, ứng dụng công nghệ cao; phát huy tiềm năng, lợi thế của

từng vùng, từng địa phương. Phát triển sản xuất nông nghiệp an toàn, hữu cơ, phát thải các-bon thấp, thân thiện với môi trường.

Đẩy mạnh phát triển chăn nuôi trang trại tập trung, quy mô công nghiệp ở các vùng xa khu dân cư theo hướng an toàn sinh học, kiểm soát dịch bệnh, bảo vệ môi trường; tiếp tục hình thành, duy trì các mô hình chuỗi sản xuất, giết mổ, tiêu thụ sản phẩm tại các địa phương chăn nuôi trọng điểm.

Khuyến khích, đầu tư nuôi thâm canh bằng các loại thủy sản có năng suất và giá trị kinh tế cao; đẩy mạnh phát triển các vùng nuôi, trồng thủy sản thâm canh tập trung đối với doanh nghiệp, HTX, tổ hợp tác.

Quản lý, sử dụng hiệu quả tài nguyên đất đai, môi trường; bảo đảm quỹ đất, mặt bằng cho phát triển công nghiệp, đô thị, dịch vụ theo quy hoạch; nâng cao khả năng thích ứng và sức chống chịu của nền kinh tế trước biến đổi khí hậu, thiên tai.

Triển khai thực hiện tốt Nghị quyết số 11-NQ/TU, ngày 03/02/2025 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về phát triển ngành chè Thái Nguyên giai đoạn 2025 – 2030; Đề án Phát triển toàn diện khu vực nông thôn tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2026 - 2030.

2.1.6. Tập trung đầu tư xây dựng, bảo đảm tiến độ các công trình hạ tầng chiến lược đồng bộ, hiện đại, thông minh; góp phần tăng cường kết nối liên vùng, kết nối với hệ thống hạ tầng quốc gia; thúc đẩy phát triển hạ tầng nông nghiệp, nông thôn, đô thị, hạ tầng khu, cụm công nghiệp và hạ tầng chuyển đổi số; điều chỉnh quy hoạch phù hợp với bối cảnh phát triển mới

Triển khai thực hiện Đề án Phát triển kết cấu hạ tầng các xã khó khăn và đặc biệt khó khăn tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2026 - 2030.

Phối hợp rà soát, chuẩn bị quỹ đất, tổ chức thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng phục vụ triển khai các dự án hạ tầng chiến lược, dự án trọng điểm; kịp thời tháo gỡ các vướng mắc về đất đai, mặt bằng theo thẩm quyền.

Tăng cường quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường trong quá trình triển khai các dự án hạ tầng; giám sát việc thực hiện các quy định về bảo vệ môi trường, bảo đảm phát triển hạ tầng gắn với yêu cầu phát triển bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu.

Tiếp tục đầu tư hoàn thiện hạ tầng nông nghiệp, nông thôn, thích ứng với biến đổi khí hậu, trọng tâm là các công trình thủy lợi phục vụ cơ cấu lại ngành nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới; các công trình thủy lợi, đê kè, hồ đập, hồ chứa thủy lợi, các khu vực sạt lở... thường xuyên chịu ảnh hưởng lũ lụt, xung yếu, bị hư hại, có rủi ro, nguy cơ mất an toàn; tiêu, thoát nước cho vùng công nghiệp và đô thị.

Tiếp tục đầu tư cải tạo, nâng cấp, xây dựng mới cơ sở hạ tầng thủy sản; hạ tầng thủy lợi phục vụ sản xuất nông nghiệp, hạ tầng giống nông lâm nghiệp, các công trình cấp nước phục vụ sản xuất và sinh hoạt khu vực nông thôn, đảm bảo người dân tại nông thôn được cấp đầy đủ nước sạch.

2.1.7. Tạo đột phá phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

Đẩy mạnh ứng dụng khoa học và công nghệ, đặc biệt là ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất, chế biến, bảo quản sản phẩm nhằm tăng nhanh năng suất, chất lượng, giá trị góp phần hạn chế ô nhiễm môi trường. Đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp an toàn, GAP, hữu cơ, tuần hoàn, ứng dụng công nghệ cao, thích ứng với biến đổi khí hậu, phát thải các-bon thấp. Tập trung chuyển giao, ứng dụng tiên bộ khoa học về giống cây trồng, vật nuôi theo lợi thế từng địa phương; tăng tỷ lệ sử dụng giống mới, ứng dụng quy trình sản xuất thâm canh, VietGAP; đẩy mạnh cơ khí hoá, tự động hoá trong sản xuất, chế biến.

Chuyển đổi số lĩnh vực nông nghiệp theo hướng phát triển nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp thông minh; quản trị và quản lý nông nghiệp dựa trên công nghệ số, ứng dụng công nghệ số để tự động hóa các quy trình sản xuất, kinh doanh, quản lý giám sát, truy xuất nguồn gốc nông sản, chuỗi cung ứng sản phẩm; phát triển thương mại điện tử trong nông nghiệp, tập trung vào các sản phẩm chủ lực, các sản phẩm OCOP, các sản phẩm đặc sản bản địa của tỉnh. Tích cực triển khai thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia lĩnh vực ngành quản lý trên địa bàn tỉnh.

2.1.8. Chú trọng phát triển toàn diện, đồng bộ các lĩnh vực văn hóa, xã hội, nâng cao đời sống nhân dân và bảo đảm an sinh xã hội

Triển khai hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2030.

Thực hiện mục tiêu giảm nghèo đa chiều, bao trùm, bền vững, hạn chế tái nghèo và phát sinh nghèo. Rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung chính sách giảm nghèo, tránh chồng chéo, trùng lặp, gắn với mục tiêu phát triển bền vững, bảo đảm mức sống tối thiểu tăng dần và khả năng tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản của người dân, đặc biệt ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Khuyến khích doanh nghiệp và hợp tác xã liên kết trong sản xuất, kinh doanh, tiêu thụ sản phẩm, phát triển đa dạng các mô hình sản xuất có sự tham gia của hộ nghèo, cận nghèo; hỗ trợ phát triển các mô hình sản xuất kinh doanh phù hợp với người nghèo.

2.1.9. Chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu, phòng, chống thiên tai, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường; giải quyết hài hoà mối quan hệ giữa phát triển kinh tế với bảo vệ môi trường

Tổ chức triển khai các nhiệm vụ về phòng, chống thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu theo Nghị quyết số 24-NQ/TW ngày 03/6/2013, Kết luận số 56-KL/TW ngày 23/8/2019 của Bộ Chính trị, Kết luận số 81-KL/TW ngày 04/6/2024 của Bộ Chính trị; các chiến lược, chương trình, kế hoạch của Trung ương và của tỉnh; theo dõi diễn biến thời tiết và thiên tai, chủ động phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai, hạn chế thấp nhất thiệt hại về người và tài sản.

Tổ chức triển khai thực hiện hiệu quả Đề án Tăng cường quản lý, khai thác có hiệu quả tài nguyên đất, nước và khoáng sản gắn với bảo vệ môi trường, phát triển bền vững giai đoạn 2026 - 2030.

Tăng cường quản lý, sử dụng hiệu quả tài nguyên đất đai, tài nguyên nước, khoáng sản; tổ chức thực hiện nghiêm các quy định về bảo vệ môi trường; kiểm soát chặt chẽ các nguồn gây ô nhiễm, nhất là tại các khu, cụm công nghiệp, làng nghề, khu dân cư tập trung.

Triển khai các giải pháp bảo vệ, cải thiện chất lượng môi trường; thúc đẩy kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn; lồng ghép yêu cầu bảo vệ môi trường trong quá trình thẩm định, triển khai các dự án đầu tư phát triển trên địa bàn tỉnh.

Tiếp tục phối hợp với các đơn vị có liên quan phát triển mạng lưới khí tượng thủy văn phục vụ nhu cầu khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu khí tượng thủy văn trong phát triển kinh tế - xã hội, phòng tránh và giảm nhẹ thiệt hại do thiên tai trong tình hình mới.

Phát triển đồng bộ hạ tầng số, nền tảng số và hệ thống dữ liệu ngành nông nghiệp và môi trường theo hướng thông minh, an toàn và kết nối toàn diện phục vụ quản lý, điều hành, cung cấp dịch vụ công trực tuyến. Hình thành nền hành chính số, kinh tế số và xã hội số ngành nông nghiệp và môi trường, hướng tới nông nghiệp thông minh, kinh tế xanh, phát triển bền vững và quản lý tài nguyên môi trường dựa trên dữ liệu số.

Thực hiện hiệu quả công tác quản lý, bảo vệ rừng, phòng cháy chữa cháy rừng, bảo tồn thiên nhiên, đa dạng sinh học các hệ sinh thái rừng; thực hiện quản lý rừng bền vững và chứng chỉ rừng, mã số rừng trồng, bảo đảm nguồn cung gỗ nguyên liệu trong nước cho công nghiệp chế biến; nâng cao năng suất, chất lượng rừng, chất lượng giống cây lâm nghiệp, phát triển rừng trồng gỗ lớn; phát huy giá trị đa dụng của hệ sinh thái rừng, phát huy tiềm năng, vai trò và tác dụng của rừng trong phát triển kinh tế - xã hội; ứng dụng công nghệ cao, chuyển đổi số trong điều tra, đánh giá, quản lý thông tin, cơ sở dữ liệu về rừng, điều tra, kiểm kê, theo dõi diễn biến rừng; thực hiện hiệu quả công tác giao đất, giao rừng; triển khai hiệu quả các cơ chế, chính sách đầu tư trong lâm nghiệp, chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng, đẩy mạnh triển khai dịch vụ hấp thụ và lưu giữ các-bon rừng.

2.1.10. Tăng cường liên kết vùng, thực hiện hiệu quả quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh

Tổ chức triển khai các nhiệm vụ quản lý, sử dụng đất đai theo Quy hoạch tỉnh và quy hoạch sử dụng đất; bảo đảm quỹ đất phục vụ phát triển đô thị, hạ tầng liên kết vùng, các khu chức năng theo quy hoạch được duyệt.

Tăng cường quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường trong quá trình đô thị hóa; kiểm soát chặt chẽ việc chuyển mục đích sử dụng đất, bảo đảm hài hòa giữa phát triển đô thị, kinh tế đô thị với bảo vệ môi trường, phát triển bền vững.

2.2. Nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2026

Phối hợp với các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường và các cơ quan liên quan thực hiện cải thiện điểm số và thứ hạng của chỉ số “Tiếp cận đất đai và sự ổn định trong sử dụng đất”; phối hợp các sở, ngành, địa phương thực hiện nâng cao 10 chỉ số thành phần PCI của tỉnh.

Công khai quy hoạch sử dụng đất của tỉnh; tham mưu cơ chế, chính sách về quản lý đất đai theo Luật Đất đai năm 2024 để quản lý, khai thác và sử dụng có hiệu quả nguồn tài nguyên đất đai; tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp dễ dàng tiếp cận các nguồn lực đất đai, mặt bằng để thực hiện các dự án đầu tư, sản xuất, kinh doanh trên địa bàn tỉnh.

Tham mưu chỉ đạo quyết liệt, giải quyết vướng mắc đẩy nhanh tiến độ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư phục vụ công tác giải phóng mặt bằng đảm bảo chất lượng, tiến độ các dự án quan trọng của tỉnh đúng, vượt tiến độ đã đề ra.

Thực hiện các giải pháp cải cách thủ tục Đăng ký sở hữu và chuyển nhượng tài sản, trong đó chú trọng nhiệm vụ: Tập trung đầu tư xây dựng hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu đất đai; nâng cấp cơ sở hạ tầng kỹ thuật, lập kế hoạch số hóa và lưu trữ hồ sơ địa chính ở dạng số để đưa vào khai thác sử dụng tại các Văn phòng đăng ký đất đai; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong thực hiện thủ tục đăng ký, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất.

Thu hút đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp, chế biến và kinh tế xanh: Xây dựng định hướng sản xuất và điển hình hấp dẫn nhà đầu tư vào các lĩnh vực: Chế biến sâu nông sản, logistics lạnh và giá trị gia tăng sản phẩm tạo điểm nhấn cho chuỗi giá trị nông nghiệp tỉnh Thái Nguyên; thu hút đầu tư các dự án theo tiêu chí sản xuất sạch, thân thiện môi trường, phù hợp với định hướng tỉnh về phát triển nông nghiệp sinh thái và bền vững.

Tổ chức triển khai thực hiện đồng bộ, hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp của “Đề án tăng cường quản lý, khai thác có hiệu quả tài nguyên đất, nước và khoáng sản gắn với bảo vệ môi trường, phát triển bền vững giai đoạn 2026 - 2030”.

Tăng cường chỉ đạo, giải quyết tháo gỡ khó khăn, tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, cá nhân phát triển sản xuất kinh doanh trong lĩnh vực nông, lâm nghiệp, thủy sản và dịch vụ nông nghiệp, nông thôn, trong đó tập trung phát triển các sản phẩm nông nghiệp chủ lực, đặc sản, thế mạnh, OCOP của tỉnh gắn với xây dựng thương hiệu, đẩy mạnh các hoạt động xúc tiến đầu tư, thương mại, dịch vụ, phát triển thị trường, nhằm hỗ trợ doanh nghiệp phát triển sản xuất, kinh doanh.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Trưởng các phòng thuộc Sở, Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Sở, bám sát các mục tiêu, nhiệm vụ theo Chương trình hành động của Bộ Nông nghiệp và Môi trường, các Nghị quyết của HĐND tỉnh, Quyết định, Kế hoạch của UBND tỉnh về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, dự toán ngân sách nhà nước năm 2026

và các nhiệm vụ, giải pháp nêu tại Kế hoạch này, tiến hành triển khai, tổ chức thực hiện:

- Xây dựng kế hoạch cụ thể của đơn vị, trong đó xác định rõ mục tiêu, nhiệm vụ, thời gian và phân công cụ thể người phụ trách thực hiện; kiểm điểm, đánh giá tình hình thực hiện các nhiệm vụ, chỉ tiêu theo ***Phụ lục gửi kèm*** và báo cáo theo quy định.

- Tập trung chỉ đạo, thực hiện quyết liệt, linh hoạt, hiệu quả các giải pháp đã đề ra, triển khai thực hiện Kế hoạch này và chịu trách nhiệm toàn diện trước Sở Nông nghiệp và Môi trường về việc triển khai thực hiện theo lĩnh vực phụ trách, quản lý và chức năng, nhiệm vụ được giao. Kịp thời đề xuất bổ sung những giải pháp hay, hiệu quả trong thực tiễn chỉ đạo, điều hành, triển khai thực hiện.

2. Trưởng các phòng thuộc Sở, Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Sở thực hiện nghiêm chế độ báo cáo kết quả thực hiện Kế hoạch gửi Sở Nông nghiệp và Môi trường (qua phòng Kế hoạch - Tài chính) trước ngày 10 tháng cuối quý để tổng hợp, báo cáo Bộ Nông nghiệp và Môi trường, UBND tỉnh. Báo cáo đánh giá kết quả thực hiện Kế hoạch năm 2026 theo nhiệm vụ được giao gửi Sở Nông nghiệp và Môi trường trước ngày 05 tháng 11 năm 2026.

3. Giao Phòng Kế hoạch - Tài chính đôn đốc, kiểm tra, giám sát kết quả thực hiện nhiệm vụ của các đơn vị; tổng hợp, đánh giá để báo cáo Bộ Nông nghiệp và Môi trường, UBND tỉnh kết quả thực hiện nhiệm vụ trước ngày 15 tháng cuối quý và báo cáo kết quả thực hiện năm 2026 trước ngày 10 tháng 11 năm 2026 theo quy định./.

Phụ lục 1:
KẾ HOẠCH, NHIỆM VỤ CÔNG TÁC NĂM 2026 CÁC PHÒNG, ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC SỞ
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-SNNMT ngày / /2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường)

STT	CHỈ TIÊU, NỘI DUNG NHIỆM VỤ	CƠ QUAN, ĐƠN VỊ CHỦ TRÌ	THỜI GIAN HOÀN THÀNH	DỰ KIẾN KẾT QUẢ	GHI CHÚ
I	Trồng trọt và Bảo vệ thực vật	Chi cục Trồng trọt và BVTV			
1	Giá trị sản xuất trồng trọt		Năm 2026	Đạt 7.555 tỷ đồng, tăng 1,2% so với năm 2025	
2	Giá trị sản phẩm thu được từ cây chè		Năm 2026	Đạt 16.800 tỷ đồng	
3	Giá trị sản phẩm thu được trên 1 ha đất trồng trọt		Năm 2026	Đạt 126 triệu đồng	
4	Chỉ tiêu sản xuất một số cây trồng chính				
4.1	<i>Cây lương thực có hạt cả năm</i>		Năm 2026	<i>Phần đầu sản lượng đạt 590.800 tấn</i>	
-	Cây lúa		Năm 2026	<i>Sản lượng lúa (thóc) 463.100 tấn. Trong đó: 60% diện tích sử dụng giống lúa năng suất, chất lượng, giống lúa đặc sản, bản địa; trên 50% diện tích gieo trồng lúa áp dụng các biện pháp kỹ thuật sản xuất lúa an toàn, bền vững.</i>	
-	Cây ngô		Năm 2026	<i>Sản lượng 127.700 tấn</i>	
4.2	Cây rau các loại		Năm 2026	<i>Sản lượng đạt 321.000 tấn</i>	
4.3	Cây chè				
-	<i>Sản lượng chè búp tươi</i>		Năm 2026	<i>Sản lượng chè búp tươi 277.760 tấn</i>	
-	<i>Diện tích trồng chè mới, trồng lại</i>		<i>Từ tháng 2 - đến tháng 11/2026</i>	<i>Đạt 676 ha, trong đó: trồng mới 396 ha, trồng lại 280 ha</i>	
-	<i>Diện tích chè được cấp chứng nhận VietGAP, hữu cơ</i>		Năm 2026	<i>Năm 2026 đạt 2.600 ha; lũy kế đạt 9.040 ha</i>	
-	<i>Diện tích chè được cấp mã số vùng trồng</i>		Năm 2026	<i>Năm 2026 đạt 4.270 ha; lũy kế đạt 4.885 ha</i>	

STT	CHỈ TIÊU, NỘI DUNG NHIỆM VỤ	CƠ QUAN, ĐƠN VỊ CHỦ TRÌ	THỜI GIAN HOÀN THÀNH	DỰ KIẾN KẾT QUẢ	GHI CHÚ
4.4	<i>Cây ăn quả</i>				
-	<i>Diện tích Cấp chứng nhận VietGAP, GAP khác, hữu cơ</i>		Năm 2026	Năm 2026 đạt 200 ha; lũy kế đạt 1.600 ha	
-	<i>Diện tích các vùng sản xuất cây ăn quả tập trung, an toàn, chất lượng</i>		Năm 2026	Đạt 2.000 ha (số lũy kế)	
-	<i>Trồng mới cây ăn quả</i>		Năm 2026	Đạt 450 ha (trong đó: na 100 ha , nhãn 60 ha, bưởi 40 ha, Hồng không hạt 59 ha, mơ 19 ha, cam 85 ha, quýt 87 ha)	
5	Diện tích chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất lúa		Năm 2026	Tổng 1.200 ha trở lên, trong đó 1.000 ha cây hàng năm; 150 ha cây lâu năm; 50 ha nuôi thủy sản, kết hợp trồng lúa	
6	Diện tích cây trồng cạn có tưới được áp dụng phương pháp tưới tiêu, tiết kiệm nước		Năm 2026	Diện tích được áp dụng tưới tiết kiệm 30.700 ha (Cây chè, cây ăn quả, rau màu...)	
7	Tiếp tục triển khai thực hiện Nghị quyết số 11-NQ/TU, ngày 03/02/2025 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về phát triển ngành chè Thái Nguyên giai đoạn 2025 - 2030		Tháng 3/2026	Dự thảo Báo cáo kết quả thực hiện Nghị quyết số 11-NQ/TU, ngày 03/02/2025 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về phát triển ngành chè Thái Nguyên giai đoạn 2025 - 2030	BC BTV TU (tháng 3) BCH (tháng 3)
8	Triển khai thực hiện Đề án Phát triển toàn diện khu vực nông thôn tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2026 - 2030, lĩnh vực trồng trọt		Tháng 3/2026 Tháng 6/2026 Tháng 9/2026	Kết quả triển khai thực hiện Đề án trong lĩnh vực trồng trọt	BC BTV TU (tháng 3, 6, 9) BCH (tháng 3, 6, 9)
II	Chăn nuôi, Thú y, Thủy sản	Chi cục Chăn nuôi, Thú y và Thủy sản			
1	Sản xuất chăn nuôi				
1.1	Giá trị sản xuất chăn nuôi		Năm 2026	Đạt 10.500 tỷ đồng, tăng 5,5% so với năm 2025	

STT	CHỈ TIÊU, NỘI DUNG NHIỆM VỤ	CƠ QUAN, ĐƠN VỊ CHỦ TRÌ	THỜI GIAN HOÀN THÀNH	DỰ KIẾN KẾT QUẢ	GHI CHÚ
1.2	Sản lượng thịt hơi, trứng các loại, trong đó:		Năm 2026	Đạt 263.000 tấn; 470 triệu quả	
-	Sản lượng thịt lợn hơi			Đạt 121.140 tấn	
-	Sản lượng thịt gia cầm hơi			Đạt 124.800 tấn	
	Trong đó: Sản lượng thịt gà hơi			Đạt 119.800 tấn	
-	Sản lượng thịt trâu, bò hơi			Đạt 17.000 tấn	
1.3	Quy mô tổng đàn vật nuôi				
-	Đàn lợn		Năm 2026	Đạt 850.000 con	
	Trong đó: - Lợn nái		Năm 2026	Đạt 106.875 con	
	Tỷ lệ Nái ngoại, lai		Năm 2026	Đạt 70%	
	- Lợn thịt		Năm 2026	Đạt 781.500 con	
	- Lợn đực giống		Năm 2026	Đạt 1.599 con	
	Tỷ lệ đàn lợn ngoại, lai		Năm 2026	Đạt 76%	
-	Đàn gia cầm		Năm 2026	Đạt 19.500	
	Trong đó: Đàn gà		Năm 2026	Đạt 18.600	
	Tỷ lệ đàn gà lông màu chất lượng cao		Năm 2026	Đạt 87%	
-	Đàn trâu, bò		Năm 2026	Đạt 127.500 con	
1.4	Quy mô chăn nuôi trang trại tập trung so với tổng đàn		Năm 2026	Đạt 60%	
1.5	Chăn nuôi lợn, gà an toàn sinh học, an toàn dịch bệnh, an toàn thực phẩm (trang trại chăn nuôi nhỏ, vừa và lớn) so với tổng đàn		Năm 2026	Đạt 70%	
1.6	Đảm bảo tỷ lệ tiêm phòng các loại vắc xin chủ yếu trên đàn vật nuôi		Năm 2026	Đạt tối thiểu 80% so với tổng đàn thuộc diện tiêm. Trong đó: 160.000 liều LMLM lợn; 85.000 liều LMLM trâu, bò, dê; 64.000 liều viêm da nổi cục trâu, bò; 85.000 liều tụ huyết trùng trâu, bò; 193.000 liều tụ huyết trùng lợn; 193.000 liều Dịch tả lợn cổ điển; 5.000 liều Lép to; 3.800.000 liều cúm gia cầm; 188.000 liều đại chó	
2	Sản xuất thủy sản				

STT	CHỈ TIÊU, NỘI DUNG NHIỆM VỤ	CƠ QUAN, ĐƠN VỊ CHỦ TRÌ	THỜI GIAN HOÀN THÀNH	DỰ KIẾN KẾT QUẢ	GHI CHÚ
2.1	Giá trị sản xuất thủy sản		Năm 2026	Đạt 865 tỷ đồng, tăng 6,1% so với năm 2025	
2.2	Tổng diện tích nuôi trồng thủy sản			Đạt 7.470 ha	
	Trong đó, diện tích nuôi thâm canh, bán thâm canh			Đạt 2.100 ha	
2.3	Sản lượng thủy sản			Đạt 23.100 tấn	
	- Sản lượng nuôi trồng thủy sản			Đạt 22.200 tấn	
	- Sản lượng khai thác thủy sản			Đạt 900 tấn	
3	Triển khai thực hiện Đề án Phát triển toàn diện khu vực nông thôn tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2026 - 2030, lĩnh vực chăn nuôi, thú y, thủy sản		Tháng 3/2026 Tháng 6/2026 Tháng 9/2026	Kết quả triển khai thực hiện Đề án trong lĩnh vực chăn nuôi, thú y, thủy sản	BC BTV TU (tháng 3, 6, 9) BCH (tháng 3, 6, 9)
III	Lĩnh vực Lâm nghiệp	Chi cục Kiểm lâm			
1	Giá trị sản xuất lâm nghiệp		Năm 2026	Đạt 2.320 tỷ đồng, tăng 6,4% so với năm 2025	
2	Diện tích trồng rừng tập trung		Quý IV	Đạt 7.500 ha	
	+ Rừng phòng hộ, đặc dụng			Đạt 30 ha	
	+ Rừng sản xuất			Đạt 7.470 ha	
3	Trồng cây phân tán		Quý IV	Đạt 1.500 nghìn cây	
4	Diện tích cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững		Quý IV	Đạt 4.000 ha	
5	Tỷ lệ che phủ rừng		Quý IV	Đạt $\geq 60\%$	
6	Sản lượng khai thác gỗ rừng trồng		Năm 2026	Đạt 745.000 m ³	
7	Công bố hiện trạng rừng năm 2025 trên địa bàn tỉnh		Tháng 3/2026	Quyết định của UBND tỉnh	
8	Dự án điều tra trữ lượng rừng, trữ lượng các-bon rừng		Quý IV	Quyết định của UBND tỉnh	
9	Triển khai “Tết trồng cây đời đời nhớ ơn Bác Hồ” nhân dịp Xuân Bính Ngọ năm 2026		Quý I	Báo cáo kết quả thực hiện	

STT	CHỈ TIÊU, NỘI DUNG NHIỆM VỤ	CƠ QUAN, ĐƠN VỊ CHỦ TRÌ	THỜI GIAN HOÀN THÀNH	DỰ KIẾN KẾT QUẢ	GHI CHÚ
10	Kiểm tra việc chấp hành các quy định của pháp luật: quản lý giống cây trồng lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh...		Quý IV	Báo cáo kết quả kiểm tra	
11	Triển khai thực hiện Đề án Phát triển toàn diện khu vực nông thôn tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2026 - 2030, lĩnh vực lâm nghiệp		Tháng 3/2026 Tháng 6/2026 Tháng 9/2026	Kết quả triển khai thực hiện Đề án trong lĩnh vực lâm nghiệp	BC BTV TU (tháng 3, 6, 9) BCH (tháng 3, 6, 9)
IV	Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản	Chi cục Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản			
1	Công tác tham mưu ban hành văn bản				
-	Trình UBND tỉnh ban hành Kế hoạch bảo đảm an toàn thực phẩm và phát triển thị trường lĩnh vực nông nghiệp năm 2026		Quý I/2026	Kế hoạch bảo đảm an toàn thực phẩm và phát triển thị trường lĩnh vực nông nghiệp năm 2026	
-	Trình Chủ tịch UBND tỉnh ủy quyền cho Chủ tịch UBND cấp xã thực hiện việc cấp chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm lĩnh vực nông nghiệp		Quý II/2026	Quyết định ủy quyền cho Chủ tịch UBND xã, phường thực hiện việc cấp chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm lĩnh vực nông nghiệp	
-	Ban hành Kế hoạch triển khai công tác đảm bảo an toàn thực phẩm dịp Tết Nguyên đán Bính Ngọ và mùa Lễ hội Xuân 2026		Tháng 01/2026	Kế hoạch triển khai công tác đảm bảo an toàn thực phẩm dịp Tết Nguyên đán Bính Ngọ và mùa Lễ hội Xuân 2026; Thành lập Đoàn kiểm tra liên ngành ATTP Tết Nguyên đán và mùa Lễ hội Xuân 2026	
-	Ban hành Kế hoạch triển khai “Tháng hành động vì an toàn thực phẩm” năm 2026		Quý II/2026	Kế hoạch triển khai “Tháng hành động vì an toàn thực phẩm” năm 2026;	

STT	CHỈ TIÊU, NỘI DUNG NHIỆM VỤ	CƠ QUAN, ĐƠN VỊ CHỦ TRÌ	THỜI GIAN HOÀN THÀNH	DỰ KIẾN KẾT QUẢ	GHI CHÚ
				Thành lập đoàn kiểm tra “Tháng hành động vì an toàn thực phẩm” năm 2026.	
-	Ban hành văn bản chỉ đạo, hướng dẫn, kế hoạch triển khai các nhiệm vụ theo yêu cầu của UBND tỉnh, Bộ Nông nghiệp và Môi trường.		Trong năm	Các văn bản, Kế hoạch, hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ	
-	Tổng hợp báo cáo kết quả công tác quản lý chất lượng, an toàn thực phẩm, chế biến và phát triển thị trường nông lâm thủy sản		Trong năm	Báo cáo hàng tháng, 6 tháng, năm và đột xuất	
-	Tổng hợp, lựa chọn, cung cấp danh sách các hộ sản xuất nông nghiệp nhằm hỗ trợ giao dịch trên các sàn thương mại điện tử thúc đẩy phát triển kinh tế số nông nghiệp, nông thôn		Trong năm	Báo cáo hàng tháng, 6 tháng, năm	
2	Công tác tập huấn, tuyên truyền				
-	Phối hợp với các cơ quan truyền thông xây dựng chuyên mục tuyên truyền về công tác quản lý chất lượng, ATTP		Trong năm	Dự kiến 10 bài/chuyên mục/phóng sự	
-	Phổ biến, tuyên truyền pháp luật và hướng dẫn các tổ chức, cá nhân áp dụng các quy định của pháp luật về công tác quản lý ATTP; chứng nhận VietGAP, hữu cơ, HACCP; công tác kết nối thị trường và tiêu thụ nông sản.		Trong năm	Tổ chức 34 lớp tập huấn	
3	Công tác thống kê, thẩm định xếp loại, chỉ định phòng kiểm nghiệm		Trong năm	Thực hiện thống kê 100% các cơ sở được phân cấp quản lý theo quy định; Thẩm định xếp loại 100% cơ sở được thống kê. Triển khai thực hiện Quyết định số 01/2025/QĐ-UBND ngày 01/8/2025 của UBND tỉnh. Phối hợp với cơ quan chuyên môn cấp xã hướng dẫn thực hiện ký cam kết đối với các cơ sở theo quy định.	

STT	CHỈ TIÊU, NỘI DUNG NHIỆM VỤ	CƠ QUAN, ĐƠN VỊ CHỦ TRÌ	THỜI GIAN HOÀN THÀNH	DỰ KIẾN KẾT QUẢ	GHI CHÚ
4	Công tác kiểm tra, hậu kiểm		Trong năm	02 cuộc kiểm tra liên ngành trở lên; 03 cuộc kiểm tra, hậu kiểm trở lên với hơn 30 cơ sở sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản; các sản phẩm OCOP.	
5	Giám sát an toàn thực phẩm		Trong năm	Dự kiến lấy 550 mẫu giám sát.	
6	Duy trì chuỗi cung ứng thực phẩm an toàn, xúc tiến thương mại, triển khai hệ thống phần mềm “Quản lý chất lượng nông sản - Thái Nguyên”				
-	Phát triển các chuỗi cung ứng thực phẩm an toàn		Trong năm	Dự kiến xác nhận thêm 02 chuỗi cung ứng thực phẩm. Tiếp tục duy trì phát triển các chuỗi nông sản đã được xác nhận an toàn.	
-	Hỗ trợ đưa hộ, các cơ sở sản xuất nông nghiệp lên sàn TMĐT thúc đẩy phát triển kinh tế số nông nghiệp, nông thôn		Trong năm	100% các cơ sở sản xuất nông nghiệp có nhu cầu giao dịch trên các sàn thương mại điện tử	
-	Kết nối, phát triển thị trường, xúc tiến thương mại tiêu thụ sản phẩm nông lâm thủy sản		Trong năm	Tổ chức 02 đoàn công tác tại tỉnh ngoài để kết nối, phát triển thị trường tiêu thụ; Tham gia 04 hội chợ triển lãm; Hỗ trợ các doanh nghiệp, hợp tác xã tham gia 02 hội chợ triển lãm trong nước.	
-	Triển khai hệ thống phần mềm “Quản lý chất lượng nông sản - Thái Nguyên”		Trong năm	Số hóa quy trình trồng trọt, chăn nuôi theo tiêu chuẩn VietGAP, hữu cơ trên hệ thống phần mềm; Phát triển các chức năng sổ nhật ký sản xuất điện tử; Hướng dẫn các doanh nghiệp, hợp tác xã, cơ sở sản xuất kinh doanh nông lâm thủy sản cập nhật đầy đủ thông tin cơ sở, thông tin sản phẩm trên hệ thống phần mềm.	
V	Thủy lợi, phòng chống thiên tai, nước sạch nông thôn	Chi cục Thủy lợi và			

STT	CHỈ TIÊU, NỘI DUNG NHIỆM VỤ	CƠ QUAN, ĐƠN VỊ CHỦ TRÌ	THỜI GIAN HOÀN THÀNH	DỰ KIẾN KẾT QUẢ	GHI CHÚ
		Phòng chống thiên tai			
1	Lĩnh vực thủy lợi				
1.1	<i>Đôn đốc thực hiện điều tiết nước tiết kiệm từ các công trình thủy lợi để đảm bảo phục vụ sản xuất nông nghiệp, sinh hoạt; chỉ đạo công tác quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi đảm bảo an toàn.</i>		<i>Theo mùa vụ</i>	<i>Văn bản của Sở Nông nghiệp và Môi trường, UBND tỉnh đôn đốc các địa phương, Công ty quản lý, khai thác các công trình thủy lợi.</i>	
1.2	<i>Kiểm tra kết quả nghiệm thu và tổng hợp diện tích được hỗ trợ giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi năm 2025.</i>		<i>Quý I/ 2026</i>	<i>Báo cáo kết quả thực hiện diện tích được hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi năm 2025.</i>	
1.3	<i>Tổ chức kiểm tra, đánh giá hiện trạng công trình thủy lợi trước mùa mưa, lũ năm 2026.</i>		<i>Tháng 4/2026</i>	<i>Văn bản báo cáo Sở Nông nghiệp và Môi trường</i>	
1.4	<i>Thực hiện sửa chữa các công trình thủy lợi.</i>		<i>Năm 2026</i>	<i>Các công trình thủy lợi được đầu tư sửa chữa, nâng cấp đảm bảo phục vụ sản xuất nông nghiệp và an toàn công trình.</i>	
1.5	<i>Tổ chức tập huấn Luật Thủy lợi và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật để nâng cao chuyên môn nghiệp vụ cho lực lượng trực tiếp quản lý, khai thác công trình thủy lợi.</i>		<i>Năm 2026</i>	<i>Hội nghị tập huấn.</i>	
1.6	<i>Phối hợp với địa phương và các đơn vị có liên quan kiểm tra, ngăn chặn và xử lý các vụ vi phạm pháp luật về thủy lợi (nếu có).</i>		<i>Thường xuyên</i>	<i>Biên bản; Quyết định xử phạt vi phạm hành chính.</i>	
1.7	<i>Kiểm tra, tham mưu cấp phép đối với các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi (nếu có).</i>		<i>Hàng tháng</i>	<i>Văn bản cấp phép của UBND tỉnh.</i>	
1.8	<i>Tham mưu UBND tỉnh ban hành Quyết định giao quản lý, khai thác công trình thủy lợi</i>		<i>Quý I/2026</i>	<i>Quyết định của UBND tỉnh</i>	

STT	CHỈ TIÊU, NỘI DUNG NHIỆM VỤ	CƠ QUAN, ĐƠN VỊ CHỦ TRÌ	THỜI GIAN HOÀN THÀNH	DỰ KIẾN KẾT QUẢ	GHI CHÚ
1.9	Thẩm định, trình UBND tỉnh ban hành Quy định định mức kinh tế kỹ thuật trong quản lý, khai thác công trình thủy lợi do cấp tỉnh quản lý.		Quý I/2026	Quyết định của UBND tỉnh	
1.10	Lập bản đồ diện tích tưới, tiêu khu vực phía Bắc tỉnh Thái Nguyên.		Năm 2026	Quyết định của UBND tỉnh	
2	Công tác Quản lý đề điều				
2.1	Phối hợp với địa phương và các đơn vị có liên quan kiểm tra, ngăn chặn và xử lý các vụ vi phạm pháp luật về đề điều (nếu có).		Thường xuyên	Biên bản; Quyết định xử phạt vi phạm hành chính.	
2.2	Kiểm tra hệ thống công trình đề điều trước và sau mùa mưa lũ; vật tư, trang thiết bị phòng chống lụt, bão dự trữ.		Tháng 4 và tháng 12/2026	Biên bản kiểm tra của các Sở, ngành; báo cáo Sở Nông nghiệp và MT.	
2.3	Tham mưu xây dựng phương án hộ đề toàn tuyến; vị trí trọng điểm, đề điều xung yếu năm 2026 trình phê duyệt và triển khai thực hiện.		Tháng 5/2026	Hồ sơ phương án, Văn bản tham gia ý kiến của Cục quản lý đề điều và Phòng, chống thiên tai; Quyết định của UBND tỉnh.	
2.4	Kiểm tra, tham mưu cấp phép đối với các hoạt động liên quan đến đề điều (nếu có).		Thường xuyên	Tờ trình của Sở Nông nghiệp và MT, văn bản cấp phép của UBND tỉnh.	
2.5	Tổ chức tập huấn nâng cao chuyên môn nghiệp vụ cho lực lượng trực tiếp quản lý đề điều, quản lý đề nhân dân, tuần tra canh gác.		Quý II/2026	Hội nghị tập huấn.	
2.6	Thực hiện công tác hộ đề, xử lý kỹ thuật các sự cố đề điều (Trong mùa mưa lũ).		Từ tháng 5 đến Tháng 11/2026	Hệ thống công trình đề điều đảm bảo an toàn chống lũ. Kịp thời báo cáo Sở Nông nghiệp và MT, UBND tỉnh khi xảy ra sự cố.	
2.7	Duy tu, tu bổ nâng cấp hệ thống đề điều đảm bảo an toàn chống lũ theo thiết kế.		Năm 2026	Hệ thống công trình đề điều đảm bảo an toàn chống lũ.	
3	Công tác phòng, chống thiên tai				

STT	CHỈ TIÊU, NỘI DUNG NHIỆM VỤ	CƠ QUAN, ĐƠN VỊ CHỦ TRÌ	THỜI GIAN HOÀN THÀNH	DỰ KIẾN KẾT QUẢ	GHI CHÚ
3.1	<i>Tham mưu triển khai, chỉ đạo, điều hành và thực hiện nhiệm vụ phòng, chống, ứng phó thiên tai, tìm kiếm cứu nạn và khắc phục hậu quả sự cố thiên tai tại các địa phương.</i>		<i>Hàng tháng</i>	<i>Tổng hợp, báo cáo.</i>	
3.2	<i>Tổ chức Hội nghị tập huấn về công tác phòng, chống thiên tai cho các lực lượng tham gia hoạt động phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn.</i>		<i>Năm 2026</i>	<i>Hội nghị tập huấn cho cán bộ các xã, phường và lực lượng xung kích phòng, chống thiên tai.</i>	
3.4	<i>Phối hợp các cơ quan Báo, Đài thực hiện phổ biến, tuyên truyền về công tác phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn trên địa bàn tỉnh.</i>		<i>Thường xuyên</i>	<i>Tin, bài, video clip về công tác phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn.</i>	
3.5	<i>Phối hợp thực hiện cảnh báo, dự báo thiên tai có nguồn gốc khí tượng, thủy văn tỉnh Thái Nguyên năm 2026.</i>		<i>Thường xuyên</i>	<i>Các bản tin dự báo, cảnh báo thiên tai.</i>	
3.6	<i>Kiểm tra, tổng hợp đánh giá thiệt hại trình các cấp hỗ trợ kinh phí cho công tác phòng, chống thiên tai và khắc phục hậu quả sự cố thiên tai (nếu có).</i>		<i>Thường xuyên</i>	<i>Báo cáo BCH Phòng thủ dân sự tỉnh, UBND tỉnh, Ban Chỉ đạo Phòng thủ dân sự Quốc gia.</i>	
3.7	<i>Xây dựng, tham mưu cho UBND tỉnh ban hành Kế hoạch phòng, chống thiên tai giai đoạn 2026-2030.</i>		<i>Năm 2026</i>	<i>Ban hành Kế hoạch của tỉnh</i>	
4	Công tác quản lý xây dựng công trình				
4.1	<i>Thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng, thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở; thẩm định hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu, kết quả lựa chọn nhà thầu theo thẩm quyền.</i>		<i>Năm 2026</i>	<i>Thông báo kết quả</i>	
4.2	<i>Kiểm tra công tác nghiệm thu của chủ đầu tư theo thẩm quyền</i>		<i>Năm 2026</i>	<i>Thông báo kết quả</i>	

STT	CHỈ TIÊU, NỘI DUNG NHIỆM VỤ	CƠ QUAN, ĐƠN VỊ CHỦ TRÌ	THỜI GIAN HOÀN THÀNH	DỰ KIẾN KẾT QUẢ	GHI CHÚ
4.3	<i>Tham gia về các quy hoạch, kế hoạch, chương trình, đề án, dự án và các nội dung khác có liên quan đến lĩnh vực thủy lợi, đề điều, phòng, chống thiên tai, quản lý xây dựng công trình</i>		<i>Năm 2026</i>	<i>Văn bản tham gia ý kiến</i>	
5	Cấp nước nông thôn				
5.1	<i>Tỷ lệ hộ gia đình nông thôn được sử dụng nước sạch đạt quy chuẩn</i>		<i>Năm 2026</i>	<i>Đạt 63%</i>	
5.2	<i>Đôn đốc, hướng dẫn, tổng hợp thực hiện công tác Bộ chỉ số theo dõi, đánh giá chất lượng nước cấp nông thôn</i>		<i>Năm 2026</i>	<i>Văn bản, Báo cáo tổng hợp</i>	
5.3	<i>Tham mưu điều chỉnh Quyết định 571/QĐ-UBND ngày 12/3/2015 của UBND tỉnh về việc phân cấp quản lý khai thác công trình cấp nước sinh hoạt tập trung nông thôn trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên</i>		<i>Năm 2026</i>	<i>Ban hành Quyết định của tỉnh</i>	
5.4	<i>Tổ chức kiểm tra, rà soát đánh giá hiện trạng các công trình cấp nước sinh hoạt nông thôn tập trung trên địa bàn toàn tỉnh; đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả công tác quản lý các công trình, giải quyết các công trình hoạt động kém hiệu quả và không hoạt động</i>		<i>Năm 2026</i>	<i>Báo cáo</i>	
VI	Kinh tế hợp tác, phát triển nông thôn	Chi cục Kinh tế hợp tác và PTNT			

STT	CHỈ TIÊU, NỘI DUNG NHIỆM VỤ	CƠ QUAN, ĐƠN VỊ CHỦ TRÌ	THỜI GIAN HOÀN THÀNH	DỰ KIẾN KẾT QUẢ	GHI CHÚ
1	Chỉ tiêu: Có 19% số xã đạt chuẩn nông thôn mới		12/2026	Quyết định công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới năm 2026 của UBND tỉnh	
1.1	<i>Tham mưu UBND tỉnh ban hành kế hoạch triển khai Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2026, xác định rõ lộ trình thực hiện chỉ tiêu 19% số xã đạt chuẩn</i>		Quý I,II/2026	<i>Kế hoạch năm 2026 được phê duyệt</i>	
1.2	<i>Rà soát, lựa chọn, giao nhiệm vụ cho các xã có đủ điều kiện, khả năng đạt chuẩn NTM năm 2026</i>		Quý I/2026	<i>Danh sách các xã giao nhiệm vụ đạt chuẩn NTM năm 2026</i>	
1.3	<i>Tham mưu UBND tỉnh: Quy định cụ thể hóa Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM; ban hành Bộ tiêu chí xã NTM hiện đại, Bộ tiêu chí xóm NTM tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2026-2030</i>		Quý I, II/2026	<i>Các Bộ tiêu chí nông thôn mới được ban hành</i>	
1.4	<i>Hướng dẫn hồ sơ, thủ tục đề nghị xét, công nhận xã đạt chuẩn NTM năm 2026</i>		Quý II, III/2026	<i>Văn bản hướng dẫn</i>	
1.5	<i>Xây dựng cơ chế chính sách thực hiện Chương trình giai đoạn 2026-2030</i>		Quý I, II/2026	<i>Các cơ chế, chính sách được ban hành</i>	
1.6	<i>Tổ chức kiểm tra, giám sát tiến độ thực hiện tại các xã đăng ký đạt chuẩn; kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc</i>		Quý II,III, IV/2026	<i>Phát hiện kịp thời tồn tại, hạn chế</i>	
1.7	<i>Bồi dưỡng, tập huấn, nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ làm công tác xây dựng NTM các cấp. Tập huấn, nâng cao nhận thức, năng lực, đổi mới tư duy của cộng đồng và người dân về xây dựng NTM</i>		Quý II, III/2026	<i>Cán bộ các cấp được nâng cao năng lực, nhận thức của người dân được nâng cao</i>	
1.8	<i>Đẩy mạnh hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn, HTX, OCOP góp phần nâng cao thu nhập</i>		Tháng 12/2026	<i>Thu nhập bình quân tại xã được nâng lên</i>	

STT	CHỈ TIÊU, NỘI DUNG NHIỆM VỤ	CƠ QUAN, ĐƠN VỊ CHỦ TRÌ	THỜI GIAN HOÀN THÀNH	DỰ KIẾN KẾT QUẢ	GHI CHÚ
1.9	Báo cáo kết quả thực hiện Đề án Phát triển kết cấu hạ tầng các xã khó khăn và đặc biệt khó khăn tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2026-2030		Tháng 3, 6, 9, 11/2026	Báo cáo	
1.10	Tham mưu tổ chức thẩm định, trình UBND tỉnh công nhận các xã đạt chuẩn NTM		Quý IV/2026	Các xã đủ điều kiện được công nhận đạt chuẩn	
2	Chỉ tiêu: Mức giảm tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều trên 1,5 điểm%		12/2026	Quyết định công bố kết quả rà soát công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2026 của UBND tỉnh	
2.1	Tham mưu ban hành kế hoạch thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia năm 2026 và giai đoạn 2026-2030		Quý I, II/2026	Kế hoạch của UBND tỉnh	
2.2	Tham mưu đề xuất phân bổ vốn thực hiện chương trình năm 2026 và giai đoạn 2026-2030		Quý I, II/2026	Quyết định của UBND tỉnh	
2.3	Kiểm tra đánh giá hiệu quả các dự án hỗ trợ phát triển sản xuất đã triển khai thực hiện năm 2025		Quý I/2026	Báo cáo kết quả kiểm tra	
2.4	Tổ chức triển khai thực hiện các nội thành phần về giảm nghèo		Tháng 12/ 2026	Báo cáo đánh giá kết quả thực hiện 6 tháng và năm 2026	
2.5	Tổ chức Tổng rà soát hộ nghèo: Kết quả thực hiện năm 2026 và rà soát đầu kỳ theo chuẩn nghèo giai đoạn 2027-2030		Quý III, IV/2026	Quyết định của UBND tỉnh	
3	Triển khai thực hiện Đề án Phát triển kết cấu hạ tầng các xã khó khăn và đặc biệt khó khăn tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2026 - 2030		Tháng 3/2026 Tháng 6/2026 Tháng 9/2026	Dự thảo báo cáo kết quả triển khai thực hiện Đề án	BC BTV TU (tháng 3, 6, 9) BCH (tháng 3, 6, 9)
VII	Nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn	Trung tâm Nước sinh hoạt và			

STT	CHỈ TIÊU, NỘI DUNG NHIỆM VỤ	CƠ QUAN, ĐƠN VỊ CHỦ TRÌ	THỜI GIAN HOÀN THÀNH	DỰ KIẾN KẾT QUẢ	GHI CHÚ
		VSMT nông thôn			
1	Tổ chức triển khai thực hiện công tác điều tra Bộ chỉ số đánh giá nước sạch		Năm 2026 và quý I năm 2027	Báo cáo tổng hợp kết quả điều tra Bộ chỉ số nước sạch và VSMT nông thôn; bộ số liệu điều tra theo địa bàn; hồ sơ, tài liệu phục vụ Sở báo cáo, trình UBND tỉnh phê duyệt kết quả thực hiện	
2	Thực hiện công tác nội kiểm, giám sát đánh giá chất lượng nước sinh hoạt nông thôn theo kế hoạch được giao		Năm 2026	Kết quả đánh giá chất lượng nước sạch theo quy chuẩn	
3	Thực hiện công tác truyền thông, tuyên truyền, tập huấn về nước sạch và VSMT nông thôn		Năm 2026	Báo cáo kết quả truyền thông; số lớp tập huấn được tổ chức; tài liệu truyền thông (tờ rơi, pano, bài viết...); báo cáo kết quả hưởng ứng các chương trình, sự kiện	
4	Tổ chức triển khai thực hiện các chương trình, dự án cấp nước nông thôn theo các nguồn vốn khi được cấp thẩm quyền giao		Theo kế hoạch giao	Công trình cấp nước hoàn thành, được nghiệm thu, bàn giao đưa vào sử dụng theo kế hoạch	
5	Tổ chức công tác quản lý khai thác, sử dụng công trình do đơn vị quản lý và cung cấp dịch vụ cấp nước (<i>dự kiến tiếp nhận thêm 07 công trình</i>)		Năm 2026	Các công trình cấp nước vận hành ổn định, an toàn; duy trì cấp nước thường xuyên đảm bảo an sinh xã hội, đáp ứng nhu cầu sử dụng của người dân; đảm bảo quản lý, vận hành, bảo trì công trình; báo cáo kết quả hoạt động dịch vụ cấp nước; hoàn thành tiếp nhận, quản lý thêm các công trình theo kế hoạch	
VIII	Quản lý đất đai, Đo đạc bản đồ, Đăng ký đất đai				
1	Thực hiện dự án tổng thể xây dựng hồ sơ địa chính trên địa bàn xã, phường thuộc tỉnh Thái Nguyên		Năm 2026		

STT	CHỈ TIÊU, NỘI DUNG NHIỆM VỤ	CƠ QUAN, ĐƠN VỊ CHỦ TRÌ	THỜI GIAN HOÀN THÀNH	DỰ KIẾN KẾT QUẢ	GHI CHÚ
1.1	Đo đạc	Văn phòng Đăng ký đất đai	Năm 2026	05 xã	
1.2	Cấp GCNQSD đất đồng loạt trên địa bàn huyện Phú Bình (trước sáp nhập)	Văn phòng Đăng ký đất đai	Năm 2026	05 xã	
1.3	Cấp GCNQSD đất đồng loạt trên địa bàn thành phố Sông Công (trước sáp nhập)	Văn phòng Đăng ký đất đai	Năm 2026	01 xã và 03 phường	
1.4	Cấp GCNQSD đất đồng loạt trên địa bàn Phường Phổ Yên, Phường Phúc Thuận (từ các phường/xã cũ sáp nhập) và Xã Thành Công (từ xã Thành Công và Vạn Phái cũ).	Văn phòng Đăng ký đất đai	Năm 2026	01 xã và 04 phường	
2	Đo đạc, xác định ranh giới, đăng ký cấp GCN đối với diện tích đất các công ty nông lâm nghiệp giữ lại và trả ra trên địa bàn tỉnh	Phòng Quản lý đất đai	Năm 2026	1.224 ha	
3	Đo đạc, chỉnh lý biên động bản đồ địa chính, đăng ký cấp GCN và cập nhật CSDL đối với khu vực đất lâm nghiệp trên địa bàn 20 xã khu vực phía Bắc tỉnh	Phòng Quản lý đất đai	Năm 2026	01 TKKT-DT	
3.1	Dự án Rừng phòng hộ tỉnh Thái Nguyên trên địa bàn huyện Võ Nhai cũ		Năm 2026	08 xã	
4	Định giá đất cụ thể	Phòng Quản lý đất đai	Năm 2026	50 hồ sơ	
5	Xây dựng hệ số điều chỉnh Bảng giá đất	Phòng Quản lý đất đai	Năm 2026	01 nhiệm vụ	
6	Điều chỉnh, bổ sung bảng giá đất hằng năm	Phòng Quản lý đất đai	Năm 2026	01 nhiệm vụ	

STT	CHỈ TIÊU, NỘI DUNG NHIỆM VỤ	CƠ QUAN, ĐƠN VỊ CHỦ TRÌ	THỜI GIAN HOÀN THÀNH	DỰ KIẾN KẾT QUẢ	GHI CHÚ
7	Đăng ký đất đai (Đăng ký cấp đổi, cấp lại GCN)	Văn phòng Đăng ký đất đai	Năm 2026	18.350 hồ sơ	
8	Đăng ký biến động	Văn phòng Đăng ký đất đai	Năm 2026		
8.1	Tổ chức		Năm 2026	2.800 hồ sơ	
8.2	Hộ gia đình cá nhân		Năm 2026	120.000 hồ sơ	
10	Thống kê đất đai	Văn phòng Đăng ký đất đai	Năm 2026	01 nhiệm vụ	
11	Quản lý, lưu trữ, vận hành cơ sở dữ liệu đất đai và kho lưu trữ	Văn phòng Đăng ký đất đai	Năm 2026	01 nhiệm vụ	
12	Làm giàu, làm sạch cơ sở dữ liệu đất đai	Phòng Quản lý đất đai	Năm 2026	01 nhiệm vụ	
14	Xây dựng, cập nhật cơ sở dữ liệu nền địa lý, hệ thống bản đồ địa hình tỷ lệ 1:2.000 và tỷ lệ 1:5.000 trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên	Phòng Quản lý đất đai	Năm 2026	02 TKKT-DT	
15	Triển khai thực hiện Đề án Tăng cường quản lý, khai thác có hiệu quả tài nguyên đất, nước và khoáng sản gắn với bảo vệ môi trường, phát triển bền vững giai đoạn 2026 - 2030	Phòng Quản lý đất đai	Tháng 3/2026 Tháng 6/2026 Tháng 9/2026	Dự thảo báo cáo kết quả triển khai thực hiện Đề án lĩnh vực đất đai	BC BTV TU (tháng 3, 6, 9) BCH (tháng 3, 6, 9)
16	Điều chỉnh phân bổ chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 cho các xã, phường	Phòng Quản lý đất đai	Sau khi Quốc hội thông qua điều chỉnh QHSD đất quốc gia và Thủ tướng Chính phủ	01 nhiệm vụ	

STT	CHỈ TIÊU, NỘI DUNG NHIỆM VỤ	CƠ QUAN, ĐƠN VỊ CHỦ TRÌ	THỜI GIAN HOÀN THÀNH	DỰ KIẾN KẾT QUẢ	GHI CHÚ
			điều chỉnh phân bổ chỉ tiêu cho các tỉnh		
17	Trình HĐND tỉnh thông qua danh mục và bổ sung danh mục các dự án phải thu hồi đất và các dự án thí điểm nhà ở thương mại trên địa bàn tỉnh	Phòng Quản lý đất đai	Tháng 7, tháng 12 tại Kỳ họp thường lệ; ngoài ra sẽ trình HĐND tỉnh tại các Kỳ họp chuyên đề nếu có phát sinh nhu cầu của các địa phương	01 nhiệm vụ	
18	Định hướng sử dụng đất đến năm 2030 đến từng đơn vị hành chính cấp xã trong điều chỉnh Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050	Phòng Quản lý đất đai	Tháng 02/2026	01 nhiệm vụ	
19	Triển khai xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật thuộc lĩnh vực ngành nông nghiệp và môi trường theo Nghị quyết số 254/2025/QH15 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai và Nghị định số 49/2026/NĐ-CP của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị quyết của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai	Phòng Quản lý đất đai, Phòng Kế hoạch – Tài chính chủ trì phối hợp với các phòng, đơn vị trực thuộc Sở	Trong năm 2026	01 nhiệm vụ: Dự kiến ban hành 04 văn bản QPPL thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh, gồm: 1. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định việc phân cấp, ủy quyền cho cơ quan, người có thẩm quyền thực hiện đối với các nhiệm vụ quy định tại khoản này cho phù hợp. 2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định trình tự, thủ tục hành chính về đất đai để thực hiện các trường hợp quy định tại Điều 14 của Nghị định này chậm nhất đến ngày 01 tháng 7 năm 2026, bảo đảm cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính theo quy định; trong đó quy định rõ trách nhiệm của cơ quan, người có thẩm quyền trong các bước thực	

STT	CHỈ TIÊU, NỘI DUNG NHIỆM VỤ	CƠ QUAN, ĐƠN VỊ CHỦ TRÌ	THỜI GIAN HOÀN THÀNH	DỰ KIẾN KẾT QUẢ	GHI CHÚ
				hiện trình tự, thủ tục, thời gian tối đa thực hiện trình tự, thủ tục, thành phần hồ sơ phải nộp, trong đó có giấy tờ chứng minh đối tượng được miễn, giảm nghĩa vụ tài chính (nếu có), các mẫu thực hiện thủ tục phải quy định các thông tin để xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai. 3. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ quy định của pháp luật về đất đai qua các thời kỳ, quá trình quản lý, sử dụng đất và điều kiện thực tế ở địa phương để quy định việc xác định diện tích đất ở, quy định các trường hợp khác chưa xác định cụ thể diện tích đất ở trên giấy chứng nhận đã cấp để áp dụng quy định tại khoản này; 4. XD văn bản QPPL thay thế Quyết định số 49/2024/QĐ-UBND của UBND tỉnh ban hành quy định về các yếu tố ảnh hưởng đến giá đất và một số chỉ tiêu cụ thể để xác định giá đất theo phương pháp thẳng dư trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên	
20	Xây dựng Văn bản quy phạm pháp luật đất đai sau khi thực hiện chính quyền địa phương 2 cấp và sắp xếp lại đơn vị hành chính	Phòng Quản lý đất đai	Trong năm 2026	01 nhiệm vụ: Dự kiến ban hành 07 văn bản QPPL thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh, gồm: 1. Quy định về trình tự, thủ tục cho thuê quỹ đất ngắn hạn; điều kiện, trình tự, thủ tục thẩm định, giao đất không đấu giá quyền sử dụng đất cho cá nhân trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên 2. Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.	

STT	CHỈ TIÊU, NỘI DUNG NHIỆM VỤ	CƠ QUAN, ĐƠN VỊ CHỦ TRÌ	THỜI GIAN HOÀN THÀNH	DỰ KIẾN KẾT QUẢ	GHI CHÚ
				3. Quy định giấy tờ khác về quyền sử dụng đất có trước ngày 15 tháng 10 năm 1993; hạn mức giao đất, công nhận quyền sử dụng đất đối với các loại đất; hạn mức nhận chuyển quyền sử dụng đất nông nghiệp của cá nhân; diện tích đất để xây dựng công trình phục vụ trực tiếp sản xuất nông nghiệp; điều kiện, kích thước và diện tích tối thiểu được tách thửa, hợp thửa đối với các loại đất trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên. 4. Nghị quyết này quy định chính sách về đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống 5. Quyết định của UBND tỉnh việc phân cấp cho cơ quan, người có thẩm quyền thực hiện quyết định về thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất, điều chỉnh thời hạn sử dụng đất, gia hạn sử dụng đất, chuyển hình thức sử dụng đất, công nhận quyền sử dụng đất, chấp thuận về việc thỏa thuận nhận quyền sử dụng đất để thực hiện dự án, chấp thuận, phê duyệt phương án sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên 6. Quyết định của UBND tỉnh quy định trình tự, thủ tục hành chính lĩnh vực đất đai trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.	

STT	CHỈ TIÊU, NỘI DUNG NHIỆM VỤ	CƠ QUAN, ĐƠN VỊ CHỦ TRÌ	THỜI GIAN HOÀN THÀNH	DỰ KIẾN KẾT QUẢ	GHI CHÚ
				7. Quyết định của UBND tỉnh quy định việc xác định diện tích đất ở và các trường hợp khác chưa xác định cụ thể diện tích đất ở trên giấy chứng nhận đã cấp trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên	
21	Kế hoạch kiểm tra chuyên đề năm 2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường đối với lĩnh vực đất đai, đo đạc, bản đồ	Phòng Quản lý đất đai	Trong năm 2026	01 nhiệm vụ Dự kiến Kế hoạch kiểm tra chuyên đề năm 2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường đối với lĩnh vực đất đai, đo đạc, bản đồ gồm 14 cuộc kiểm tra với 14 đối tượng	
IX	Địa chất khoáng sản	Phòng Địa chất – Khoáng sản			
1	Đấu giá quyền khai thác khoáng sản		Năm 2026	03 đợt	
2	Tham mưu UBND tỉnh thực hiện “Dự án khoanh định khu vực cấm hoạt động khai thác, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên”.		Năm 2026	Năm 2026 dự kiến: - Báo cáo UBND tỉnh xin chủ trương lập “Dự án khoanh định khu vực cấm hoạt động khai thác, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên”. - Thực hiện lựa chọn đơn vị tư vấn lập đề cương “Dự án khoanh định khu vực cấm hoạt động khai thác, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên”.	
3	Thực hiện xác định, quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản; phê duyệt, phê duyệt lại tiền cấp quyền khai Thác khoáng sản		Năm 2026	Dự kiến hoàn thành quyết toán, phê duyệt, phê duyệt lại tiền cấp quyền của 120 mỏ	
4	Phê duyệt chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, chi phí thăm dò khoáng sản phải hoàn trả		Năm 2026	Dự kiến hoàn thành xác định chi phí thăm dò khoáng sản phải hoàn trả đối với 04 mỏ	

STT	CHỈ TIÊU, NỘI DUNG NHIỆM VỤ	CƠ QUAN, ĐƠN VỊ CHỦ TRÌ	THỜI GIAN HOÀN THÀNH	DỰ KIẾN KẾT QUẢ	GHI CHÚ
	đối với các mô thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh.				
5	Thẩm định hồ sơ cấp phép thăm dò, cấp phép khai thác khoáng sản; cấp phép theo cơ chế đặc thù quy định tại Nghị quyết 66.4/2025/NQ-CP ngày 21/9/2025 của Chính phủ		Năm 2026	Dự kiến cấp phép thăm dò, cấp phép khai thác đối với 15 mỏ	
6	Kiểm tra chấp hành các quy định của pháp luật trong hoạt động khoáng sản năm 2026 đối với 12 mỏ theo kế hoạch		Năm 2026	Hoàn thành kiểm tra 12 mỏ theo kế hoạch	
7	Phối hợp xây dựng phương án quản lý về địa chất, khoáng sản tích hợp trong phương án bảo vệ môi trường, bảo vệ tài nguyên, đa dạng sinh học, phòng, chống thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu; tích hợp vào Quy hoạch tỉnh theo quy định.		Năm 2026	Hoàn thành	
8	Triển khai thực hiện Đề án Tăng cường quản lý, khai thác có hiệu quả tài nguyên đất, nước và khoáng sản gắn với bảo vệ môi trường, phát triển bền vững giai đoạn 2026 - 2030		Tháng 3/2026 Tháng 6/2026 Tháng 9/2026	Dự thảo báo cáo kết quả triển khai thực hiện Đề án lĩnh vực khoáng sản	BC BTV TU (tháng 3, 6, 9) BCH (tháng 3, 6, 9)
X	Tài nguyên nước	Phòng Tài nguyên nước và Khí tượng thủy văn			
1	Vận hành, khai thác mạng lưới quan trắc nước dưới đất khu vực Nam tỉnh Thái Nguyên		Năm 2026	01 nhiệm vụ	
2	Dự án “xây dựng phương án và dự toán cắm mốc giới hành lang bảo vệ nguồn nước trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên		Năm 2026	01 nhiệm vụ	

STT	CHỈ TIÊU, NỘI DUNG NHIỆM VỤ	CƠ QUAN, ĐƠN VỊ CHỦ TRÌ	THỜI GIAN HOÀN THÀNH	DỰ KIẾN KẾT QUẢ	GHI CHÚ
3	Dự án "Lập kế hoạch bảo vệ nước dưới đất trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên"		Năm 2026	01 nhiệm vụ	
4	Triển khai thực hiện Đề án Tăng cường quản lý, khai thác có hiệu quả tài nguyên đất, nước và khoáng sản gắn với bảo vệ môi trường, phát triển bền vững giai đoạn 2026 - 2030		Tháng 3/2026 Tháng 6/2026 Tháng 9/2026	Dự thảo báo cáo kết quả triển khai thực hiện Đề án lĩnh vực tài nguyên nước	BC BTV TU (tháng 3, 6, 9) BCH (tháng 3, 6, 9)
XI	Bảo vệ môi trường	Chi cục Bảo vệ môi trường			
1	Tỷ lệ chất thải nguy hại được thu gom và xử lý		Năm 2026	Đạt 100%	
2	Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt đô thị được thu gom và xử lý theo quy định		Năm 2026	Đạt $\geq 91\%$	
3	Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt nông thôn được thu gom và xử lý		Năm 2026	Đạt 82%	
4	Truyền thông; kiểm tra công tác bảo vệ môi trường; kiểm tra vận hành thử nghiệm xác nhận hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường; Hợp tác quốc tế.		Năm 2026	04 nhiệm vụ	
5	Dự án mạng lưới quan trắc môi trường tỉnh Thái Nguyên		Năm 2026	01 dự án	
6	Đánh giá tác động ảnh hưởng đến môi trường từ hoạt động sản xuất kinh doanh của các cơ sở khai thác chế biến khoáng sản tại khu vực mỏ Núi Pháo tới môi trường		Năm 2026	01 nhiệm vụ	
7	Lập báo cáo hiện trạng môi trường tỉnh Thái Nguyên		Năm 2026	01 nhiệm vụ	
8	Kế hoạch quản lý chất lượng môi trường không khí tỉnh Thái Nguyên		Năm 2026	01 nhiệm vụ	

STT	CHỈ TIÊU, NỘI DUNG NHIỆM VỤ	CƠ QUAN, ĐƠN VỊ CHỦ TRÌ	THỜI GIAN HOÀN THÀNH	DỰ KIẾN KẾT QUẢ	GHI CHÚ
9	Diễn tập ứng phó sự cố chất thải tỉnh Thái Nguyên		Năm 2026	01 nhiệm vụ	
10	Triển khai thực hiện Đề án Tăng cường quản lý, khai thác có hiệu quả tài nguyên đất, nước và khoáng sản gắn với bảo vệ môi trường, phát triển bền vững giai đoạn 2026 - 2030		Tháng 3/2026 Tháng 6/2026 Tháng 9/2026	Chủ trì tổng hợp tham mưu xây dựng Dự thảo báo cáo kết quả triển khai thực hiện Đề án	BC BTV TU (tháng 3, 6, 9) BCH (tháng 3, 6, 9)
XII	Quản lý rừng đặc dụng, phòng hộ				
1	Bảo vệ rừng đặc dụng, phòng hộ	BQL rừng đặc dụng, phòng hộ tỉnh	Năm 2026	Bảo vệ tốt toàn bộ diện tích rừng đặc dụng, phòng hộ được giao quản lý.	
2	Triển khai thực hiện khoán bảo vệ rừng trên diện tích được giao quản lý	BQL rừng đặc dụng, phòng hộ tỉnh	Năm 2026	Triển khai các hoạt động khoán BVR tới cộng đồng dân cư	
4	Hội nghị tập huấn, tuyên truyền công tác quản lý bảo vệ rừng, phòng cháy chữa cháy rừng	BQL rừng đặc dụng, phòng hộ tỉnh	Quý IV/2026	Thực hiện tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về Lâm nghiệp đến tổ chức, cá nhân, cộng đồng dân cư nơi có rừng đặc dụng, phòng hộ	
5	Chuyển đổi số, duy trì Website của Ban quản lý	BQL rừng đặc dụng, phòng hộ tỉnh	Quý IV/2026	Tiếp tục thực hiện ứng dụng chuyển đổi số trong công tác chuyên môn, duy trì hiệu quả Website đơn vị; - Duy trì hoạt động hiệu quả trang Website của Ban quản lý	
6	Tiếp tục thực hiện nhiệm vụ: Lập hồ sơ phân định ranh giới rừng và cấm mốc, bảng trên thực	BQL rừng đặc dụng,	Quý II/2026	Thực hiện phân định ranh giới rừng và cấm mốc, bảng trên thực địa Khu dự trữ thiên nhiên Thần Sa – Phụng Hoàng	

STT	CHỈ TIÊU, NỘI DUNG NHIỆM VỤ	CƠ QUAN, ĐƠN VỊ CHỦ TRÌ	THỜI GIAN HOÀN THÀNH	DỰ KIẾN KẾT QUẢ	GHI CHÚ
	địa Khu dự trữ thiên nhiên Thần Sa – Phượng Hoàng	phòng hộ tỉnh			
7	Hỗ trợ kinh phí để phát triển sinh kế, cải thiện đời sống người dân vùng đệm của các khu rừng đặc dụng	BQL rừng đặc dụng, phòng hộ tỉnh	Quý IV/2026	Hỗ trợ các cộng đồng dân cư vùng đệm khu rừng đặc dụng theo nguồn kinh phí được phê duyệt	
9	Điều chỉnh đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí khu DTTN Thần Sa - Phượng Hoàng, giai đoạn 2022-2030	BQL rừng đặc dụng, phòng hộ tỉnh	Quý IV/2026	Điều chỉnh Đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí Khu dự trữ thiên nhiên Thần Sa - Phượng Hoàng giai đoạn 2022-2030 để cho thuê dịch vụ môi trường rừng	
10	Điều chỉnh Phương án quản lý rừng bền vững Khu DTTN Thần Sa - Phượng Hoàng, giai đoạn 2021-2030	BQL rừng đặc dụng, phòng hộ tỉnh	Quý IV/2026	Điều chỉnh Phương án quản lý rừng bền vững Khu dự trữ thiên nhiên Thần Sa - Phượng Hoàng theo quy định.	
XIII	Khuyến nông, môi trường				
1	Thông tin tuyên truyền				
-	Tuyên truyền phổ biến chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; chỉ đạo của Tỉnh ủy, UBND tỉnh về phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn. Tuyên truyền ứng dụng tiến bộ kỹ thuật, những thành tựu đổi mới, sáng tạo trong sản xuất nông nghiệp.		Năm 2026	Xây dựng và phát sóng phóng sự về Khuyến nông trên Báo và PTTH tỉnh và tin, bài trên các Báo. Xây dựng tin, bài, video (Clip) ngắn đăng tải trên Trang thông tin điện tử của Trung tâm Khuyến nông, Sở Nông nghiệp và Môi trường,...	
-	Bản tin Khuyến nông		Năm 2026	Xây dựng và phát hành Bản tin Khuyến nông (4 số) mỗi quý 1 số	
2	Đào tạo, tập huấn				

STT	CHỈ TIÊU, NỘI DUNG NHIỆM VỤ	CƠ QUAN, ĐƠN VỊ CHỦ TRÌ	THỜI GIAN HOÀN THÀNH	DỰ KIẾN KẾT QUẢ	GHI CHÚ
-	Chương trình đào tạo, tập huấn TOT nâng cao kỹ năng nghiệp vụ, phương pháp khuyến nông; tổ chức và quản lý sản xuất, chuyển đổi số trong sản xuất và tiêu thụ nông sản; kỹ năng kết nối thị trường và xây dựng chuỗi giá trị; chuyển giao khoa học công nghệ, thành tựu đổi mới sáng tạo cho cán bộ khuyến nông các cấp, khuyến nông viên cơ sở và khuyến nông cộng đồng		Năm 2026	Tổ chức lớp đào tạo, tập huấn TOT; nâng cao năng lực chuyên môn, kỹ năng nghiệp vụ và phương pháp khuyến nông cho đội ngũ cán bộ; nâng cao hiệu quả tổ chức hoạt động khuyến nông, đáp ứng yêu cầu đổi mới và thực tiễn sản xuất; tối thiểu 70% học viên tham gia đánh giá mức độ hài lòng từ tốt và rất tốt.	
-	Chương trình tập huấn chuyển giao tiến bộ kỹ thuật, quy trình sản xuất VietGAHP, GAHP khác, hữu cơ, tuần hoàn, an toàn dịch bệnh		Năm 2026	Tổ chức tập huấn giúp học viên nắm vững và áp dụng đúng các quy trình VietGAHP, GAHP, hữu cơ, tuần hoàn, an toàn dịch bệnh; góp phần nâng cao chất lượng sản phẩm, bảo đảm an toàn thực phẩm, giảm dịch bệnh, giảm chi phí sản xuất, cải thiện môi trường, hướng tới sản xuất bền vững; tối thiểu 70% học viên tham gia đánh giá mức độ hài lòng từ tốt và rất tốt.	
3	Các mô hình Khuyến nông				
3.1	Lĩnh vực Trồng trọt				
	Mô hình ứng dụng KHKT trong sản xuất thâm canh chè hữu cơ phát triển bền vững thích ứng với biến đổi khí hậu năm thứ nhất.		Năm 2026	Xây dựng thành công mô hình. Thông qua tác động các biện pháp kỹ thuật, năng suất mô hình khi kết thúc đạt tối thiểu 115 tạ/ha, sản lượng đạt 230 tấn chè búp tươi. Sau 02 năm triển khai 20 ha diện tích chè được chứng nhận hữu cơ tiêu chuẩn	

STT	CHỈ TIÊU, NỘI DUNG NHIỆM VỤ	CƠ QUAN, ĐƠN VỊ CHỦ TRÌ	THỜI GIAN HOÀN THÀNH	DỰ KIẾN KẾT QUẢ	GHI CHÚ
				Việt Nam, thu nhập người sản xuất tăng trên 15% so với sản xuất chè đại trà	
	Mô hình sản xuất Chè theo tiêu chuẩn hữu cơ Việt Nam TCVN 11041- 6:2018 năm thứ 2		Năm 2026	Xây dựng thành công mô hình. Thông qua tác động các biện pháp kỹ thuật, năng suất mô hình khi kết thúc đạt tối thiểu 115 tạ/ha, sản lượng đạt 230 tấn chè búp tươi. Sau khi được cấp chứng nhận hữu cơ, tem truy xuất nguồn gốc giá trị sản phẩm chè tăng lên, thu nhập người sản xuất tăng trên 15% so với sản xuất chè đại trà.	
	Mô hình trồng thâm canh chuối theo VietGAP gắn với liên kết tiêu thụ sản phẩm trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên		Năm 2026	Xây dựng thành công mô hình, góp phần nâng cao thu nhập cho người lao động, sản xuất hàng hóa góp phần bảo vệ sức khỏe cộng đồng. Hình thành vùng sản xuất chuối tập trung đem lại hiệu quả kinh tế cao. Thu nhập người dân tăng trên 10%.	
	Xây dựng mô hình sản xuất lúa: sử dụng phân bón hữu cơ, phát thải thấp, tăng trưởng xanh, áp dụng quy trình quản lý sức khỏe cây trồng tổng hợp, xử lý phụ phẩm nông nghiệp		Năm 2026	Xây dựng thành công mô hình. Hiệu quả kinh tế tăng $\geq 12\%$ so với sản xuất đại trà	
3.2	Lĩnh vực Chăn nuôi				
	Mô hình ứng dụng KHKT chăn nuôi vịt thương phẩm công nghệ cao gắn với tiêu thụ sản phẩm		Năm 2026	Xây dựng thành công mô hình, giúp giảm đáng kể chi phí nhân công và lãng phí thức ăn (<i>giảm khoảng 10% lượng thức ăn tiêu thụ</i>). Đầu ra ổn định: Việc liên kết với doanh nghiệp qua chuỗi giá trị giúp người dân không còn nỗi lo "được mùa mất giá",	

STT	CHỈ TIÊU, NỘI DUNG NHIỆM VỤ	CƠ QUAN, ĐƠN VỊ CHỦ TRÌ	THỜI GIAN HOÀN THÀNH	DỰ KIẾN KẾT QUẢ	GHI CHÚ
				đảm bảo thu nhập cao và ổn định thông qua các hợp đồng bao tiêu sản phẩm. Hiệu quả kinh tế tăng khoảng 20% so với phương pháp truyền thống.	
	Mô hình chăn nuôi lợn bằng thức ăn có bổ sung bột lá chè xanh Thái Nguyên		Năm 2026	Xây dựng thành công mô hình. Thông qua tác động các biện pháp kỹ thuật, nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm, tiết kiệm chi phí. Hiệu quả kinh tế tăng khoảng 20% so với phương pháp truyền thống.	
3.3	Lĩnh vực Thủy sản				
	Mô hình nuôi cá ao theo hướng an toàn sinh học nâng cao hiệu quả sản xuất		Năm 2026	Xây dựng thành công mô hình. Tỷ lệ sống $\geq 70\%$; cỡ cá thu hoạch $\geq 0,6$ kg/con; năng suất bình quân ≥ 12 kg/m ² ; hệ số thức ăn $\leq 1,5$. Sản lượng cá thương phẩm dự kiến đạt khoảng 12.000kg cá thương phẩm. Lợi nhuận bình quân ước đạt từ 100 – 150 triệu đồng/ha/vụ, góp phần nâng cao thu nhập và cải thiện sinh kế cho các hộ tham gia mô hình.	
4	Dự án Khuyến nông Trung ương				
-	Dự án: Xây dựng mô hình sản xuất nông nghiệp theo tuần hoàn		Năm 2026	Tổ chức triển khai các nội dung của dự án theo đúng yêu cầu, bảo đảm tiến độ theo kế hoạch.	
-	Dự án: Xây dựng mô hình sản xuất chè hữu cơ kết hợp làm du lịch sinh thái ở khu vực miền núi phía Bắc.		Năm 2026	Tổ chức triển khai các nội dung của dự án theo đúng yêu cầu, bảo đảm tiến độ theo kế hoạch.	
-	Dự án: Xây dựng mô hình chăn nuôi gà lai 18M1, ri lai chứng nhận VietGAHP, gắn với liên kết tiêu thụ sản phẩm		Năm 2026	Tổ chức triển khai các nội dung của dự án theo đúng yêu cầu, bảo đảm tiến độ theo kế hoạch.	
5	Dự án Khoa học Công nghệ				

STT	CHỈ TIÊU, NỘI DUNG NHIỆM VỤ	CƠ QUAN, ĐƠN VỊ CHỦ TRÌ	THỜI GIAN HOÀN THÀNH	DỰ KIẾN KẾT QUẢ	GHI CHÚ
-	Dự án ứng dụng khoa học công nghệ thử nghiệm chế phẩm sinh học khử rêu và phòng trừ bệnh trong sản xuất chè theo tiêu chuẩn hữu cơ gắn liên kết chuỗi giá trị trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.		Năm 2026	Tổ chức triển khai các nội dung của dự án theo đúng yêu cầu, bảo đảm tiến độ theo kế hoạch.	
6	Chương trình Mục tiêu quốc gia (MTQG)				
-	Thực hiện các chương trình MTQG phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; giảm nghèo bền vững.		Năm 2026	Các dự án được triển khai đảm bảo tiến độ theo kế hoạch đề ra. Góp phần vào quá trình phát triển kinh tế - xã hội, thay đổi diện mạo nông thôn, đời sống của người dân được nâng lên; giảm tỉ lệ hộ nghèo trên địa bàn tỉnh.	
7	Chương trình phối hợp				
-	Phối hợp với các Vụ, Viện, Trường và các doanh nghiệp trong triển khai thực hiện dự án, mô hình khuyến nông mô hình thử nghiệm		Năm 2026	Phối hợp, triển khai tổ chức thực hiện theo đúng yêu cầu, kế hoạch, hợp đồng.	
9	Công tác giống cây trồng, vật nuôi				
-	Thực hiện các mô hình chuyển giao thử nghiệm giống mới, phân bón,...		Năm 2026	Nhằm đánh giá khả năng thích nghi, hiệu quả của giống mới, phân bón trong điều kiện sản xuất thực tế; lựa chọn giải pháp kỹ thuật phù hợp để chuyển giao, nhân rộng và nâng cao hiệu quả sản xuất.	
-	Sản xuất giống thủy sản		Năm 2026	Sản xuất cá bột: 300 triệu con; cá hương, giống: 14.5 triệu con.	

STT	CHỈ TIÊU, NỘI DUNG NHIỆM VỤ	CƠ QUAN, ĐƠN VỊ CHỦ TRÌ	THỜI GIAN HOÀN THÀNH	DỰ KIẾN KẾT QUẢ	GHI CHÚ
-	Sản xuất giống vật nuôi		Năm 2026	- Giống lợn: Duy trì lưu giữ đàn lợn nái sinh sản 200 con; sản xuất lợn giống: 5.100 con, trong đó: lợn hậu bị bố mẹ đạt tiêu chuẩn: 1.200 con. - Giống gà: Duy trì lưu giữ đàn gà sinh sản 5.000 con; sản xuất ra 558.360 con gà giống, trong đó gà hậu bị là 150.400 con	
-	Sản xuất cây giống; thóc giống		Năm 2026	- Sản xuất 100.000 cây keo; 200.000 cây mỡ; 50.000 cây quế; 60 tấn thóc giống.	
-	Cung ứng các loại giống, vật tư nông nghiệp,...		Năm 2026	- Cung ứng 20 tấn thóc giống các loại; - Cung ứng: 10.000 cây ăn quả, 20.000 cây lâm nghiệp, 10.000 cây hoa, cây cảnh, cây công trình; - Cung ứng 50 tấn phân bón, 15.000 bao giá thể	
-	Chăm sóc duy trì vườn chè đầu dòng tại cơ sở sản xuất chè xã Quân Chu		Năm 2026	Tiếp tục duy trì chăm sóc vườn chè đầu dòng đến khi thành chè giống gốc (chăm sóc vườn chè bước sang năm thứ 6)	
-	Trung bày và giới thiệu các sản phẩm nông nghiệp an toàn		Năm 2026	Liên kết kết nối tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp OCOP trong và ngoài tỉnh đến người tiêu dùng	
10	Kiểm định và chứng nhận chất lượng nông, lâm, thủy sản				
-	Chứng nhận chất lượng sản phẩm phù hợp tiêu chuẩn, quy chuẩn và các quy trình sản xuất; chứng nhận hệ thống quản lý theo quy định			Hỗ trợ chứng nhận VIETGAP, ISO, HACCP, hữu cơ cho cây chè ít nhất 20 cơ sở sản xuất, chế biến trên địa bàn tỉnh với quy mô khoảng 200ha vùng sản xuất.	Trên cơ sở hồ sơ đăng ký hợp lệ của các cơ sở sản xuất

STT	CHỈ TIÊU, NỘI DUNG NHIỆM VỤ	CƠ QUAN, ĐƠN VỊ CHỦ TRÌ	THỜI GIAN HOÀN THÀNH	DỰ KIẾN KẾT QUẢ	GHI CHÚ
			Từ tháng 2 - Tháng 12		và theo quy định hiện hành
-	Tập huấn về quản lý chất lượng, an toàn thực phẩm, tư vấn, hỗ trợ, hướng dẫn áp dụng Quy trình – tiêu chuẩn – Quy chuẩn sản xuất và chế biến an toàn		Năm 2026	Tổ chức tập huấn về quản lý chất lượng, an toàn thực phẩm cho các tổ chức, cá nhân sản xuất, chế biến nông, lâm, thủy sản; Tối thiểu 01 lớp tập huấn/năm.	Theo nhu cầu thực tế và điều kiện tổ chức
-	Kiểm định chất lượng giống, vật tư hàng hóa và sản phẩm		Từ tháng 3 đến tháng 9	Thực hiện kiểm định, chứng nhận chất lượng giống, vật tư nông nghiệp và sản phẩm theo đăng ký của các cơ sở sản xuất trên địa bàn tỉnh, đảm bảo đúng quy trình, quy định hiện hành; dự kiến thực hiện đối với 01–03 cơ sở/năm	Theo hồ sơ đăng ký và điều kiện thực tế
-	Thực hiện chương trình, đề tài, dự án thuộc lĩnh vực quản lý chất lượng theo quy định		Năm 2026	Phối hợp triển khai thực hiện các chương trình, đề tài, dự án thuộc lĩnh vực quản lý chất lượng được cấp có thẩm quyền phê duyệt, đảm bảo đúng mục tiêu, tiến độ và nội dung theo kế hoạch, hợp đồng.	
11	Công tác môi trường				
-	Thực hiện thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải sinh hoạt từ các điểm tập kết tại các xã phường đến khu xử lý; Tăng cường công tác vệ sinh môi trường phục vụ các ngày lễ, các sự kiện của tỉnh		Từ tháng 1 đến tháng 12	Bảo đảm vệ sinh môi trường, giữ gìn cảnh quan đô thị xanh – sạch – đẹp; nâng cao chất lượng cuộc sống, sức khỏe cộng đồng và ý thức bảo vệ môi trường của người dân.	
-	Vận hành nhà vệ sinh công cộng; đảm bảo công tác làm sạch môi trường, quét, tưới rửa đường bằng cơ giới...đảm bảo không gây ô nhiễm môi trường, phục vụ nhân dân.		Từ tháng 1 đến tháng 03 Năm 2026	Các nhà vệ sinh công cộng được vận hành ổn định, bảo đảm sạch sẽ; công tác vệ sinh môi trường được thực hiện đầy đủ trước, trong và sau các ngày lễ, sự kiện của tỉnh, đáp ứng yêu cầu phục	

STT	CHỈ TIÊU, NỘI DUNG NHIỆM VỤ	CƠ QUAN, ĐƠN VỊ CHỦ TRÌ	THỜI GIAN HOÀN THÀNH	DỰ KIẾN KẾT QUẢ	GHI CHÚ
				vụ Nhân dân và đại biểu, không để phát sinh điểm ô nhiễm môi trường.	
-	Vận hành, bảo trì, quan trắc trạm xử lý nước rỉ rác		Từ tháng 1 đến tháng 12	Bảo đảm trạm xử lý nước rỉ rác vận hành ổn định, nước thải sau xử lý đạt quy chuẩn môi trường.	
-	Vận hành duy trì các khu xử lý rác thải sinh hoạt theo quy định		Từ tháng 1 đến tháng 12	Bảo đảm bãi chôn lấp hợp vệ sinh, hạn chế ô nhiễm môi trường.	
12	Dữ liệu và thông tin tư liệu				
-	Vận hành, bảo trì, chống mối mọt kho lưu trữ		Tháng 1- Tháng 12	- Kho dữ liệu giấy khoa học, an toàn; khử trùng mối mọt; - Vận hành hệ thống thư viện điện tử phục vụ khai thác	Thường xuyên
-	Tiếp nhận hồ sơ, tài liệu, cơ sở dữ liệu, sản phẩm đo đạc, chỉnh lý bản đồ địa chính		Tháng 1- Tháng 12	Dữ liệu số; dữ liệu giấy	Thường xuyên/khi có yêu cầu đề nghị
-	Cung cấp thông tin dữ liệu, tài liệu ngành Nông nghiệp và Môi trường		Tháng 1- Tháng 12	Cung cấp thông tin dữ liệu cho các tổ chức, cá nhân theo quy định	Thường xuyên/khi có yêu cầu đề nghị
-	Xây dựng, vận hành hệ thống cung cấp dịch vụ dữ liệu không gian phục vụ khai thác và sử dụng trên môi trường mạng		Năm 2026	Hệ thống được xây dựng, vận hành ổn định, phục vụ khai thác và sử dụng hiệu quả dữ liệu không gian trên môi trường mạng.	Theo chức năng, nhiệm vụ được giao, Trung tâm đề

STT	CHỈ TIÊU, NỘI DUNG NHIỆM VỤ	CƠ QUAN, ĐƠN VỊ CHỦ TRÌ	THỜI GIAN HOÀN THÀNH	DỰ KIẾN KẾT QUẢ	GHI CHÚ
					xuất Sở xem xét giao thực hiện nhiệm vụ/dự án năm 2026; giai đoạn 2027–2029 thực hiện theo quyết định của cấp có thẩm quyền.
13	Công nghệ thông tin, vận hành hạ tầng số, đảm bảo an toàn và bảo mật thông tin				
-	Duy trì, vận hành, quản trị các hệ thống thông tin ngành nông nghiệp và môi trường hàng năm		Năm 2026	Nhiệm vụ, Phương án thực hiện nhiệm vụ	
-	Tham mưu xây dựng và ban hành quy chế quản lý, vận hành và giám sát Trung tâm dữ liệu Sở Nông nghiệp và Môi trường.		Tháng 1 - Tháng 6	Quy định, quy chế	
-	Tham mưu cho Sở trong việc thực hiện nhiệm vụ hoàn thiện, kết nối dữ liệu phục vụ xây dựng Kho dữ liệu dùng chung và Trung tâm Giám sát, điều hành thông minh (IOC) của tỉnh do Ủy ban nhân dân tỉnh giao.		Năm 2026	Theo yêu cầu của văn bản chỉ đạo	

STT	CHỈ TIÊU, NỘI DUNG NHIỆM VỤ	CƠ QUAN, ĐƠN VỊ CHỦ TRÌ	THỜI GIAN HOÀN THÀNH	DỰ KIẾN KẾT QUẢ	GHI CHÚ
-	Phối hợp với các đơn vị liên quan tiếp tục thực hiện nhiệm vụ Xây dựng hệ thống tích hợp, kết nối và chia sẻ dữ liệu dùng chung ngành Nông nghiệp và Môi trường đáp ứng yêu cầu phát triển đô thị thông minh;		Năm 2026	Theo yêu cầu của văn bản chỉ đạo	
-	Hoàn thiện, tái cấu trúc hạ tầng công nghệ thông tin (thực hiện các nhiệm vụ rà soát, sắp xếp, quy hoạch hạ tầng phần cứng trang thiết bị và cài đặt phần mềm để vận hành các hệ thống thông tin Tại trung tâm dữ liệu, đồng thời đảm bảo việc tiếp nhận các hệ thống thông tin lĩnh vực Nông nghiệp và phát triển nông thôn về vận hành trên hệ thống, đáp ứng các yêu cầu về an toàn, bảo mật, đảm bảo các quy định về an toàn thông tin theo Nghị định 85/2016/NĐ-CP, sẵn sàng triển khai Chính phủ điện tử, Chính phủ số.		Tháng 1 – Tháng 6	Hoàn thiện, tái cấu trúc hạ tầng, sắp xếp, quy hoạch lại phần cứng trang thiết bị và cài đặt phần mềm để vận hành các hệ thống thông tin đảm bảo các quy định về an toàn thông tin theo Nghị định 85/2016/NĐ-CP	
-	Tham mưu xây dựng và ban hành quy chế quản lý, vận hành và giám sát Trung tâm dữ liệu Sở Nông nghiệp và Môi trường.		Tháng 1 - Tháng 6	Quy định, quy chế	
-	Hoàn thiện, tái cấu trúc hạ tầng công nghệ thông tin (thực hiện các nhiệm vụ rà soát, sắp xếp, quy hoạch hạ tầng phần cứng trang thiết bị và cài đặt phần mềm để vận hành các hệ thống thông tin Tại trung tâm dữ liệu, đồng thời đảm bảo việc tiếp nhận các hệ thống thông tin lĩnh vực Nông		Tháng 1 – Tháng 6	Hoàn thiện, tái cấu trúc hạ tầng, sắp xếp, quy hoạch lại phần cứng trang thiết bị và cài đặt phần mềm để vận hành các hệ thống thông tin đảm bảo các quy định về an toàn thông tin theo Nghị định 85/2016/NĐ-CP	

STT	CHỈ TIÊU, NỘI DUNG NHIỆM VỤ	CƠ QUAN, ĐƠN VỊ CHỦ TRÌ	THỜI GIAN HOÀN THÀNH	DỰ KIẾN KẾT QUẢ	GHI CHÚ
	ngành và phát triển nông thôn về vận hành trên hệ thống, đáp ứng các yêu cầu về an toàn, bảo mật, đảm bảo các quy định về an toàn thông tin theo Nghị định 85/2016/NĐ-CP, sẵn sàng triển khai Chính phủ điện tử, Chính phủ số.				
-	Nâng cấp, hoàn thiện, cập nhật, bổ sung các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường tỉnh Thái Nguyên		Năm 2026	01 Dự án	
-	Số hóa tài liệu lưu trữ; nâng cấp, mở rộng, cập nhật Hệ thống lưu trữ điện tử cơ quan Sở Nông nghiệp và môi trường phục vụ quản lý, khai thác sử dụng và chia sẻ thông tin, dữ liệu		Năm 2026	01 Dự án	
XIV	Quỹ bảo vệ môi trường, rừng và phòng chống thiên tai	Quỹ Bảo vệ môi trường, rừng và phòng, chống thiên tai			
1	Bảo vệ môi trường				
1.1	Hướng dẫn, thông báo, yêu cầu 100% các đơn vị khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh thuộc diện phải ký quỹ thực hiện ký quỹ cải tạo phục hồi môi trường năm 2026. Thực hiện hoàn trả tiền ký quỹ, lãi phát sinh cho các đơn vị ký quỹ khi có đề nghị và đủ hồ sơ theo quy định.		Năm 2026	Kế hoạch thu ký quỹ năm 2026: 90,2 tỷ (114 đơn vị/156 mỏ). Dự kiến nhận ký quỹ 50 tỷ đồng của các đơn vị KTKS. Không bao gồm số tồn từ năm trước chuyển sang.	
1.2	Cho vay ưu đãi từ vốn Điều lệ của Quỹ đối với các công trình/dự án bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh;		Năm 2026	Phân đấu giải ngân từ 3-5 dự án hoặc cho vay hết nguồn vốn Điều lệ hiện có của Quỹ đối với các dự	Tiếp nhận, thẩm định hồ sơ đủ điều

STT	CHỈ TIÊU, NỘI DUNG NHIỆM VỤ	CƠ QUAN, ĐƠN VỊ CHỦ TRÌ	THỜI GIAN HOÀN THÀNH	DỰ KIẾN KẾT QUẢ	GHI CHÚ
				án đủ điều kiện vay vốn. Kế hoạch giải ngân vốn: Từ 5- 10 tỷ	kiện vay vốn theo Quy chế
1.3	Huy động các nguồn đóng góp, hỗ trợ, tài trợ công tác bảo vệ môi trường của các tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh;		Quý II, III/năm 2026	Chỉ tiêu: Huy động ít nhất 01 doanh nghiệp phối hợp hỗ trợ công tác bảo vệ môi trường cho tối thiểu 01 địa phương trên địa bàn tỉnh.	
2	Bảo vệ và phát triển rừng				
2.1	Tiếp nhận, quản lý nguồn kinh phí ủy thác dịch vụ môi trường rừng đúng quy định; Thực hiện rà soát, xác minh diện tích rừng được chi trả thuộc lưu vực liên tỉnh, nội tỉnh làm căn cứ chi trả tiền dịch vụ môi trường rừng năm 2025; tổ chức chi trả tiền dịch vụ môi trường rừng năm 2025 đầy đủ, kịp thời, đúng quy định;		Tháng 12/2026 Tháng 6/2026	+ Thu tiền DVMTR năm 2026: Dự kiến thu 17,6 tỷ đồng. Đạt 100% + Chi tiền DVMTR năm 2025: Dự kiến chi 17,9 tỷ đồng. Đạt 100%	Thu từ nguồn điều phối của Quỹ BV&PTR Việt Nam và 36 cơ sở; Chi từ nguồn ủy thác chi trả DVMTR năm 2025
2.2	Thu tiền trồng rừng thay thế: Thu theo thực tế các dự án chuyển đổi mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác trong năm		Tháng 12/2026	Đạt 100% các dự án	
2.3	Chi tiền trồng rừng thay thế: Chi theo thực tế các dự án đề nghị thanh toán trong năm		Tháng 12/2026	Đạt 100% các dự án đủ điều kiện chi	
3	Phòng, chống thiên tai				
3.1	<i>Dự kiến thu quỹ phòng, chống thiên tai năm 2026: Số tiền 20 tỷ đồng</i>		Quý III/2026	<i>Đạt 85%</i>	
3.2	<i>Chi quỹ phòng, chống thiên tai hỗ trợ cho các đơn vị địa phương theo quyết định phê duyệt của Chủ tịch UBND tỉnh</i>		<i>Thường xuyên</i>	<i>100% theo Quyết định của UBND tỉnh</i>	

Phụ lục 2:
Một số nhiệm vụ cải thiện Chỉ số PCI của tỉnh Thái Nguyên năm 2026
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-SNNMT ngày / /2026 của
Sở Nông nghiệp và Môi trường)

STT	Nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì tham mưu thực hiện	Đơn vị phối hợp	Thời gian hoàn thành
I	Nhiệm vụ cải thiện Chỉ số gia nhập thị trường			
1	- Thực hiện niêm yết các bộ thủ tục hành chính, công khai mức phí, lệ phí tại Bộ phận một cửa nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân dễ tiếp cận và dễ thực hiện; - Chủ động giải quyết thủ tục hành chính chuyên ngành thuộc lĩnh vực phụ trách để rút ngắn thời gian chính thức đi vào hoạt động cho doanh nghiệp, liên thông nhóm thủ tục hành chính (nếu có).	Văn phòng Sở, Các phòng, đơn vị trực thuộc Sở	Các cơ quan liên quan	Công việc thường xuyên
II	Nhiệm vụ cải thiện Chỉ số tiếp cận đất đai			
1	- Tiếp tục rà soát, đề xuất các giải pháp, quy trình nhằm duy trì, rút ngắn thời gian cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho doanh nghiệp. Giám sát việc chấp hành pháp luật, quy trình kiểm tra, trách nhiệm thực thi công vụ của cán bộ, công chức trong quá trình giải quyết thủ tục hành chính về đất đai, môi trường và thực hiện việc thanh, kiểm tra tại doanh nghiệp; - Thường xuyên, kịp thời cung cấp thông tin, dữ liệu về đất đai; cập nhật, bổ sung kế hoạch sử dụng đất hàng năm để giới thiệu, thu hút đầu tư; - Chủ động nắm bắt và tháo gỡ khó khăn vướng mắc của tổ chức, doanh nghiệp trong lĩnh vực đất đai; rà soát, thống kê và đề xuất thu hồi đất các dự án không triển khai theo đúng quy định của pháp luật; - Tăng cường công tác đối thoại, kịp thời nắm bắt, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho doanh nghiệp về lĩnh vực đất đai, môi trường.	Phòng Quản lý đất đai, Văn phòng đăng ký đất đai	Các cơ quan liên quan	Công việc thường xuyên
2	Chủ trì tham mưu nội dung: Xây dựng Quy chế phối hợp với Ban Quản lý các KCN tỉnh Thái Nguyên giải quyết thủ tục hành chính liên quan đến Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất cho các doanh nghiệp trong khu công nghiệp; tham mưu, đề xuất với UBND tỉnh tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc liên quan đến đất đai tại Khu công nghiệp.	Phòng Quản lý đất đai	Các cơ quan liên quan	Công việc thường xuyên
III	Các nhiệm vụ cải thiện Chỉ số tính minh bạch			
1	Công khai và kịp thời công bố thông tin về các quy hoạch đã được phê duyệt, kế hoạch sử dụng đất, danh mục dự án kêu gọi đầu tư; các cơ chế, chính sách ưu	Phòng Quản lý đất đai, Văn phòng đăng	Các cơ quan liên quan	Công việc

	đầu tư; các thông tin về chương trình hỗ trợ phát triển doanh nghiệp,... trên các phương tiện thông tin đại chúng, Cổng Thông tin điện tử của Sở để doanh nghiệp chủ động tìm kiếm và nắm bắt thông tin có liên quan;	ký đất đai, Văn phòng Sở		thường xuyên
2	Thực hiện nghiêm về tỷ lệ lựa chọn nhà thầu qua mạng theo quy định của pháp luật;	Phòng Kế hoạch - Tài chính, các đơn vị trực thuộc Sở	Các cơ quan liên quan	Công việc thường xuyên
3	Nâng cao trách nhiệm của người đứng đầu trong việc kịp thời cung cấp thông tin, trả lời kiến nghị của doanh nghiệp và người dân;	Các đơn vị trực thuộc Sở	Các cơ quan liên quan	Công việc thường xuyên
4	Tăng cường công tác kiểm tra công vụ, công tác phòng chống tham nhũng; công khai minh bạch trong chỉ đạo điều hành.	Phòng Tổ chức cán bộ, các đơn vị trực thuộc Sở	Các cơ quan liên quan	Công việc thường xuyên
IV	Các nhiệm vụ cải thiện Chỉ số chi phí thời gian			
1	- Thực hiện văn hóa công sở, góp phần xây dựng nền hành chính chuyên nghiệp, văn minh, hiện đại; tạo điều kiện thuận lợi cho cán bộ, công chức, viên chức được đào tạo, rèn luyện, nâng cao kỹ năng giải quyết công việc, khuyến khích tự học hỏi kiến thức, rèn luyện kỹ năng; - Tăng cường tuyên truyền và đẩy nhanh tiến độ cung cấp dịch vụ công toàn trình song song với việc đẩy mạnh dịch vụ bưu chính công ích trong giải quyết thủ tục hành chính cho người dân, doanh nghiệp; ứng dụng tối đa công nghệ thông tin trong quản lý điều hành; - Khuyến khích đề xuất, thực hiện các mô hình, cách làm hay trong cải cách hành chính, tránh hình thức và chạy theo thành tích; tiếp tục thực hiện công tác đổi mới và tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp một cách hiệu quả nhất.	Văn phòng Sở, các đơn vị trực thuộc Sở	Các cơ quan liên quan	Công việc thường xuyên
2	- Rà soát, đánh giá thủ tục hành chính hàng năm nhằm kịp thời kiến nghị sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ những quy định, thủ tục hành chính không còn phù hợp, gây phiền hà, làm lãng phí thời gian và tăng chi phí của doanh nghiệp; - Đẩy mạnh giải quyết thủ tục hành chính trên môi trường điện tử; số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính; đổi mới việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;	Văn phòng Sở, các phòng, đơn vị trực thuộc Sở	Các cơ quan liên quan	Công việc thường xuyên

	- Đẩy mạnh việc triển khai tiếp nhận và trả kết quả thủ tục hành chính không phụ thuộc vào địa giới hành chính tạo thuận lợi, nhanh chóng cho tổ chức, cá nhân.			
V	Các nhiệm vụ cải thiện Chỉ số chi phí không chính thức			
1	- Nâng cao tinh thần trách nhiệm trong công tác tham mưu, đề xuất thuộc lĩnh vực phụ trách, hạn chế sự chồng chéo, đùn đẩy, tạo cơ hội hình thành các tiêu cực, nhũng nhiễu; - Thực hiện tốt việc kiểm tra, giám sát, kịp thời xử lý nghiêm các trường hợp lợi dụng chức vụ, quyền hạn, nhiệm vụ được giao gây khó khăn cho doanh nghiệp; chú trọng công tác tuyên truyền giáo dục nâng cao nhận thức chính trị, phẩm chất đạo đức của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức nhất là những người trực tiếp giải quyết các thủ tục cho doanh nghiệp thuộc các lĩnh vực: Đăng ký kinh doanh, đất đai, môi trường, cấp phép kinh doanh có điều kiện,...; - Rà soát lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, kịp thời phát hiện và thay thế những người kém phẩm chất, yếu năng lực, có hành vi nhũng nhiễu, gây khó khăn cho doanh nghiệp; - Tăng cường công tác phòng và chống tham nhũng; kiểm tra việc thực hiện các quy định của nhà nước, tăng cường kỷ luật, kỷ cương, nâng cao đạo đức công vụ, xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức thật sự trong sạch, đủ năng lực đáp ứng yêu cầu công tác; - Nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của Cổng dịch vụ công tỉnh, Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính; đẩy mạnh việc cung cấp dịch vụ công toàn tỉnh liên quan đến doanh nghiệp; thường xuyên cập nhật, công khai đầy đủ thông tin trên các Trang thông tin điện tử Sở, các đơn vị trực thuộc.	Các phòng, đơn vị trực thuộc Sở	Các cơ quan liên quan	Công việc thường xuyên
VI	Các nhiệm vụ cải thiện Chỉ số cạnh tranh bình đẳng			
1	Kiểm soát chặt chẽ việc sử dụng mối quan hệ để có được những ưu đãi đặc biệt, chính sách riêng (<i>hợp đồng kinh tế; khai thác tài nguyên; đấu thầu, chỉ định thầu; giao, cho thuê đất đầu tư, sản xuất kinh doanh...</i>) gây bất bình đẳng giữa doanh nghiệp lớn và doanh nghiệp nhỏ, doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp tư nhân.	Các phòng, đơn vị trực thuộc Sở	Các cơ quan liên quan	Công việc thường xuyên
VII	Các nhiệm vụ cải thiện Chỉ số tính năng động			
1	- Tiếp tục triển khai có hiệu quả chỉ đạo của UBND tỉnh về phát triển kinh tế tư nhân trên địa bàn tỉnh trở thành một động lực quan trọng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa;	Các phòng, đơn vị trực thuộc Sở	Các cơ quan liên quan	Công việc thường xuyên

	- Chủ động giải quyết công việc theo thẩm quyền; không đùn đẩy trách nhiệm. Phát huy tính năng động, sáng tạo của lãnh đạo các cấp trong thực thi các chính sách pháp luật nhằm hỗ trợ, phát triển doanh nghiệp; - Xác định rõ trách nhiệm của người đứng đầu trong việc tháo gỡ khó khăn, tổ chức triển khai thực hiện các chủ trương, chính sách của nhà nước và chỉ đạo của UBND tỉnh; đảm bảo sự nhất quán trong thực hiện chủ trương, chính sách từ tỉnh đến cơ sở; - Chủ động phối hợp với các ngành, các cấp trong việc giải quyết các yêu cầu, đề xuất, kiến nghị của doanh nghiệp; - Đồng hành cùng doanh nghiệp, tăng cường tiếp xúc, đối thoại với doanh nghiệp qua nhiều kênh giao tiếp, nhằm lắng nghe ý kiến đề xuất, kịp thời giải quyết phản ánh, kiến nghị của nhà đầu tư, doanh nghiệp một cách thiết thực, hiệu quả.			
VIII	Các nhiệm vụ cải thiện Chỉ số chính sách hỗ trợ doanh nghiệp			
1	- Triển khai thực hiện có hiệu quả Đề án hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, Kế hoạch của UBND tỉnh về phát triển doanh nghiệp và thúc đẩy khởi nghiệp trên địa bàn tỉnh; - Tập trung thực hiện tốt các giải pháp như: Phát triển hạ tầng, tạo mặt bằng sản xuất, kinh doanh; hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận nguồn vốn; phát triển nguồn nhân lực; hình thành các chuỗi giá trị; xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường; thúc đẩy hoạt động chuyển đổi số; đổi mới, chuyển giao công nghệ, phát triển thương hiệu và tiếp tục xây dựng, hoàn thiện hệ sinh thái khởi nghiệp; hỗ trợ các doanh nghiệp tham gia có hiệu quả vào Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP).	Các phòng, đơn vị trực thuộc Sở	Các cơ quan liên quan	Công việc thường xuyên
IX	Các nhiệm vụ cải thiện Chỉ số đào tạo lao động			
X	Các nhiệm vụ cải thiện Chỉ số thiết chế pháp lý và an ninh trật tự			
1	Tiếp nhận phản ánh, khiếu nại tố cáo hành vi nhũng nhiễu của cán bộ, công chức thông qua đường dây nóng để hướng dẫn, xử lý theo quy định của pháp luật.	Văn phòng Sở, các đơn vị trực thuộc Sở	Các cơ quan liên quan	Công việc thường xuyên